



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Hà Giang

Số 09+10

Ngày 05 tháng 8 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH	Trang
30 - 6 - 2021	Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng; giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của các loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.	03
01 - 7 - 2021	Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.	11

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

I. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

25 - 6 - 2021	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND thành lập các Ban HĐND tỉnh; quy định số lượng Ủy viên các Ban HĐND tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	17
25 - 6 - 2021	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND thông qua kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh Hà Giang năm 2021.	19
16 - 7 - 2021	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý.	27

16 - 7 - 2021	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý.	38
16 - 7 - 2021	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND về việc thông qua nhiệm vụ đề án quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng.	64
16 - 7 - 2021	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND về việc thông qua nhiệm vụ đề án quy hoạch chung xây dựng các khu chức năng.	69
16 - 7 - 2021	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND về việc thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.	76
16 - 7 - 2021	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND phê duyệt chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án: Cụm công trình thủy lợi các huyện Bắc Quang, Quang Bình, tỉnh Hà Giang.	81
16 - 7 - 2021	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyên mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.	83
16 - 7 - 2021	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ban hành Chương trình giám sát năm 2022 và sửa đổi khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 ban hành Chương trình giám sát năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Giang.	95

II. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

16 - 6 - 2021	Chỉ thị số 1117/QĐ-UBND về việc tăng cường triển khai, cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh.	98
---------------	--	----

III. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYÊN

24 - 6 - 2021	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND về việc thành lập các Ban và quyết định số lượng Ủy viên các Ban HĐND huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026.	102
---------------	---	-----

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2021/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng;
giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của các loài
cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 6 năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 127/TTr-SNN-CCLN ngày 17 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng; giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của các loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo.

2. Giá và tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống xuất vườn của các loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở đơn giá nhân công, giống và các loại vật tư, phân bón hiện hành tại thời điểm lập dự toán, các tổ chức, cá nhân xây dựng dự toán cho dự án, công trình trồng rừng trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Đối với những công trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt định mức dự toán trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, thì thực hiện theo định mức đã được phê duyệt. Đối với công trình trồng rừng thay thế đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương nộp tiền trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, thì thực hiện theo định mức quy định tại thời điểm ban hành văn bản chấp thuận chủ trương nộp tiền của UBND tỉnh.

- Khi yếu tố giá cả và các yếu tố khác thay đổi làm ảnh hưởng tăng hoặc giảm giá cây giống trên 20% liên tục trong thời gian từ 6 tháng trở lên, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 7 năm 2021 và thay thế khoản 4 Điều 1 Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 04/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành định mức đầu tư, hỗ trợ lâm sinh, tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây con xuất vườn thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Giang; thay thế khoản 2 Điều 1 Quyết định 1152/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về việc điều chỉnh, bổ sung định mức hỗ trợ lâm sinh, tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây con xuất vườn thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Giang; thay thế khoản 1 Điều 1 Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành định mức về giống, mức hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trợ cấp gạo

trồng rừng thay thế nương rẫy theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Gia Long

**Biểu 01: BIỂU ĐƠN GIÁ ĐẦU TƯ TRỒNG RỪNG
THAY THẾ DIỆN TÍCH RỪNG CHUYỂN SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**
(Kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh Hà Giang)

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Định mức	Số công	Đơn giá (đồng)
1	Chi phí xây dựng			163,44	
<i>a</i>	<i>Chi phí nhân công</i>				
*	<i>Trồng rừng</i>				
-	Phát dọn thực bì theo băng	M ² /công	318	15,72	Áp dụng đơn giá nhân công hiện hành trên địa bàn tỉnh Hà Giang tại thời điểm lập dự toán
-	Đào hố trồng cây (30 x 30 x 30cm)	Hố/công	132	12,58	
-	Lấp hố trồng cây (30 x 30 x 30cm)	Hố/công	313	5,30	
-	Vận chuyển cây trồng và công trồng	Cây/công	159	10,44	
*	<i>Chăm sóc năm thứ nhất</i>				
-	Phát chăm sóc lần 1	M ² /công	686	7,29	
-	Phát chăm sóc lần 2	M ² /công	870	5,75	
-	Xới vun gốc (đường kính từ 0,6 - 0,8 m)	Cây/công	196	8,47	
-	Chi phí công trồng dặm	Cây/công	108	2,31	
-	Vận chuyển phân và bón phân	Cây/công	147	11,29	
-	Bảo vệ rừng mới trồng	Công/ha/năm	3,64	3,64	
*	<i>Chăm sóc năm thứ hai</i>				
-	Chi phí công trồng dặm	Cây/công	108	1,54	
-	Phát chăm sóc lần 1	M ² /công	686	7,29	
-	Phát chăm sóc lần 2, 3	M ² /công	870	5,75	
-	Xới vun gốc (đường kính từ 0,6 - 0,8 m)	Cây/công	196	8,47	
-	Vận chuyển phân và bón phân	Cây/công	147	11,29	
-	Bảo vệ rừng mới trồng	Công/ha/năm	7,28	7,28	
*	<i>Chăm sóc năm thứ ba</i>				
-	Phát chăm sóc lần 1	M ² /công	800	6,25	
-	Phát chăm sóc lần 2	M ² /công	823	6,08	
-	Phát chăm sóc lần 3	M ² /công	823	6,08	

-	Bảo vệ rừng mới trồng	Công/ ha/năm	7,28	7,28	
*	<i>Chăm sóc năm thứ tư</i>				
-	Phát chăm sóc lần 1	M ² /công	823	6,08	
-	Bảo vệ rừng mới trồng	Công/ ha/năm	7,28	7,28	
<i>b</i>	<i>Chi phí vật tư</i>				
-	Cây giống trồng rừng + trồng dặm	Đồng/cây	2075		Áp dụng đơn giá cây giống, phân bón theo quy định hiện hành tại thời điểm lập dự toán
	Cây giống trồng rừng	Đồng/cây	1660		
	Cây giống trồng dặm năm 1 (15%)	Đồng/cây	249		
	Cây giống trồng dặm năm 2 (10%)	Đồng/cây	166		
-	Phân bón NPK cho 02 năm chăm sóc	Kg	332		
	Phân bón NPK cho năm 1 (0,1kg/cây)	Kg	166		
	Phân bón NPK cho năm 2 (0,1kg/cây)	Kg	166		
2	Chi phí chung (5% * 1)	-	-	-	Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT
3	Thu nhập chịu thuế tính trước (5,5% * (1+2))	-	-	-	
4	Thuế giá trị gia tăng 5% * (1 + 2 + 3)	-	-	-	Thông tư 219/2013/TT-BTC
II	Chi phí quản lý 3% (I+II)				Thông tư 15/2019/TT-BNPTNT
III	Chi phí tư vấn đầu tư				
-	Khảo sát, thiết kế lập dự toán	công/ha	7,03	7,03	Áp dụng theo QĐ số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
V	Chi phí khác				
1	Chi phí thẩm tra quyết toán				Áp dụng Thông tư 10/2020/TT-BTC

2	Thẩm định thiết kế kỹ thuật = tổng mức đầu tư x 0,121% (đối với CT < 15 tỷ đồng)				Áp dụng Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính
3	Thẩm định dự toán = tổng mức đầu tư x 0,117% (đối với CT < 15 tỷ đồng)				
	Cộng				

*** Ghi chú:**

- Mật độ cây trồng tính 1.660 cây/ha, cự ly đi làm 2000 - 3000m, thực bì nhóm 2, đất nhóm 2.

Biểu 02: TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ ĐƠN GIÁ CÂY CON XUẤT VƯỜN
(Kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Loài cây	Kích thước bầu	Tiêu chuẩn xuất vườn			Đơn giá cho 1 cây	
			Tuổi cây (tháng)	Hvn (cm)	Đoo (mm)	Cây có bầu (đồng/cây)	Cây rễ trần (đồng/cây)
1	Keo lai (giâm cành); Keo Tai tượng Úc nhập nội	8 x 12	3 - 5	20 - 25	3 - 4	1.500	
2	Keo tai tượng hạt nội	8 x 12	3 - 5	20 - 25	4 - 6	1.100	
3	Mỡ	9 x 13	6 - 7	25 - 30	4 - 6	1.300	
4	Quế	9 x 13	8 - 10	25 - 30	4 - 6	1.500	
5	Thông ba lá, Thông Mã Vĩ, thông Cairibê	9 x 13	6 - 8	20 - 30	3 - 4	1.300	
6	Sa mộc	9 x 13	10 - 12	25 - 35	4 - 6	1.600	900
7	Xoan ta	9 x 13	4 - 5	25 - 30	4 - 6	1.500	900
8	Tổng quá sủ	9 x 13	8 - 10	25 - 30	4 - 6	1.500	900
9	Lát	9 x 13	10 - 12	30 - 35	4 - 6	1.600	
10	Bồ đề	8 x 12	3 - 4	30 - 40	4 - 6	1.100	
11	Hồi	8 x 12	18	40	5	3.800	2000
12	Trầu	10 x 15	6 - 7	30 - 45	4 - 6	1.500	
13	Bạch đàn	9 x 12	3 - 5	35 - 40	4 - 6	1.200	
14	Son ta	9 x 13	8 - 10	25 - 30	6 - 7	1.500	
15	Trám	10 x 15	8 - 10	25 - 30	4 - 6	2.000	
16	Son tra (Táo mèo)	9 x 13	8 - 12	30 - 50	6 - 7	2.000	
17	Giổi	9 x 13	8 - 10	25 - 30	3 - 4	1.600	
18	Gạo	9 x 13	10 - 12	25 - 35	4 - 6	1.500	900
19	Sầu	9 x 13	8 - 10	30 - 35	4 - 6	2.000	
20	Nghiến	13 x 18	8 - 10	25 - 30	3 - 5	5.000	
21	Kim giao	13 x 18	8 - 10	25 - 30	5 - 6	4.300	
22	Lim xẹt	9 x 13	8 - 10	25 - 30	5 - 6	1.300	
23	Sở	10 x 15	8 - 10	25 - 30	4 - 6	1.200	

24	Téch	10 x 15	8 - 10	30 - 45	6 - 8	1.900	
25	Giẻ gai	10 x 15	8 - 10	25 - 35	3 - 4	1.900	
26	Đinh	13 x 18	8 - 10	20 - 25	3 - 4	2.300	
27	Kháo cài	9 x 13	4 - 5	25 - 30	4 - 6	1.200	
28	Mắc rạc	9 x 13	3 - 5	25 - 30	3 - 4	800	
29	Long nảo	9 x 13	4 - 5	25 - 30	4 - 6	1.200	
30	Tông dù	9 x 13	9 - 12	25 - 30	4 - 6	1.200	700
31	Xoan nhừ	9 x 13	4 - 5	25 - 30	3 - 4	1.200	700
32	Son ta	9 x 13	8 - 10	25 - 30	4 - 6	1.200	
33	Luồng, tre	12 x 18	5 - 6	1 thế hệ măng		3.500	
34	Pơ mu	10 x 18	10 - 12	25 - 30	3 - 4	2.300	
35	Mây nếp	9 x 12	18	20 - 22	3 - 4	900	
36	Hoàng đàn	9 x 12	18	20 - 22	3 - 4	4.300	
37	Ngân hạnh	9 x 12	18	20 - 22	3 - 4	4.300	
38	Dó trầm	9 x 12	12 - 16	30 - 400	4 - 6	7.000	
39	Sữa	9 x 12	8 - 10	25 - 30	6 - 7	1.000	
40	Óc chó từ hạt	12 x 18	8 - 10	20 - 25	3 - 4	15.000	
41	Óc chó ghép	12 x 18	8 - 10	100		20.000	
42	Thông đỏ (giâm cành)	12 x 18	10 - 12	20 - 25	3 - 4	15.000	
43	Thông tre lá ngắn (giâm cành)	12 x 18	10 - 12	20 - 25	3 - 4	15.000	
44	Giẻ Trùng Khánh	10 x 18	8 - 10	20 - 25	4 - 6	2.500	

Ghi chú: Hvn là chiều cao vút ngọn của cây; Doo là đường kính gốc của cây.

Bảng giá cây nêu trên là giá tối đa để làm căn cứ xây dựng dự toán, giá dự thầu... Giá cây giống trên là giá tại vườn ươm, vườn giâm./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2021/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 01 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng
trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 7/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang như sau:

1. Đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá tối đa (*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

2. Giá và nguồn kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng

a) Giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này là giá mua tối đa đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí

trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô chuyên dùng được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng.

b) Nguồn kinh phí đầu tư, mua sắm xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, gồm: Ngân sách nhà nước; các loại kinh phí có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu phí dịch vụ...); vốn vay, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA (trừ trường hợp có Hiệp định thỏa thuận riêng); nguồn hỗ trợ, tài trợ, biếu tặng của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2021; đồng thời, bãi bỏ mục 1 phần VI và mục 2 phần IX tại phụ lục tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hà Giang, ban hành kèm theo Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Sơn

PHỤ LỤC

**Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho cơ quan, tổ chức,
đơn vị trong lĩnh vực y tế thuộc tỉnh Hà Giang quản lý**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

TT	Chủng loại xe	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Số lượng tối đa (xe)	Mức giá tối đa (Triệu đồng/01 xe)	Nội dung công việc đặc thù hoặc loại xe
		Tổng số	87		
I	Xe ô tô cứu thương		62		Xe đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT (xe 02 cầu loại nhỏ, giá 01 tỷ đồng/xe); xe có kết cấu không gian rộng được trang bị máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác cấp cứu, hồi sức tích cực trên xe (xe 02 cầu loại to, giá 1,5 tỷ đồng/xe)
1		Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3	1.000	
			2	1.500	
2		Bệnh viện Y dược cổ truyền	2	1.000	
			1	1.500	
3		Bệnh viện Phổi	2	1.000	
			1	1.500	
4		Bệnh viện Phục hồi chức năng	1	1.000	
			1	1.500	
5		Bệnh viện Mắt	2	1.000	
6		Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần	2	1.000	
			1	1.500	

7	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	2	1.000	
		1	1.500	
8	Bệnh viện Đa khoa huyện Quản Bạ	2	1.000	
		1	1.500	
9	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	2	1.000	
		1	1.500	
10	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	2	1.000	
		1	1.500	
11	Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc	2	1.000	
		1	1.500	
12	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang	2	1.000	
		2	1.500	
13	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Yên Minh	2	1.000	
		2	1.500	
14	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Hoàng Su Phì	2	1.000	
		1	1.500	
15	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê	2	1.000	
		1	1.500	
16	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	2	1.000	

17		Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	1	1.000	
18		Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	1	1.000	
19		Trung tâm Y tế huyện Yên Minh	1	1.000	
20		Trung tâm Y tế huyện Quản Bạ	1	1.000	
21		Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	1	1.000	
22		Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	1	1.000	
23		Trung tâm Y tế huyện Quang Bình	1	1.000	
24		Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	1	1.000	
25		Trung tâm Y tế huyện Vị Xuyên	1	1.000	
26		Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	1	1.000	
27		Trung tâm Y tế Thành phố Hà Giang	1	1.000	
28		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	1	1.000	
29		Cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần, cai nghiện ma túy	1	1.000	
II	Xe ô tô tải có thùng kín	Bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện (16 bệnh viện)	16	500	Vận chuyển dụng cụ, vật tư, chất thải y tế trong lĩnh vực truyền nhiễm đi tiêu hủy (01 xe/01 bệnh viện)
III	Xe ô tô bán tải		7		

1		Chi cục Dân số kế hoạch hóa gia đình	1	800	Xe gắn mô hình mô phỏng
2		Trung tâm Kiểm nghiệm	1	800	Vận chuyển mẫu bệnh phẩm, mẫu thực phẩm
3		Trường Trung cấp Y	1	800	Chở mô hình giảng dạy, mô hình mô phỏng, thiết bị giảng dạy
4		Trung tâm Pháp y	1	800	Chở dụng cụ phục vụ công tác giám định pháp y
5		Trung tâm kiểm soát bệnh tật	1	800	Xe chở máy phun và hóa chất lưu động
			2	800	Xe vận chuyển vacxin, sinh phẩm
IV	Xe kiểm nghiệm an toàn thực phẩm	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1	2.750	Kiểm tra công tác an toàn và vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh (kèm theo phòng phân tích di động có gắn thiết bị kèm theo)
V	Xe ô tô chụp X-quang kỹ thuật số lưu động	Bệnh viện Phổi	1	2.600	Bao gồm cả thiết bị kèm theo

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**I. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT**Thành lập các Ban HĐND tỉnh; quy định số lượng Ủy viên
các Ban HĐND tỉnh Khóa XVIII nhiệm kỳ 2021 - 2026****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1130/2016/UBTVQH13 ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét Tờ trình số 06/TTr-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thành lập các Ban HĐND tỉnh; quy định số lượng Ủy viên các Ban HĐND tỉnh Hà Giang khóa XVIII nhiệm kỳ 2021 - 2026 và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập 04 Ban HĐND tỉnh Hà Giang khóa XVIII nhiệm kỳ 2021 - 2026, gồm:

1. Ban Pháp chế;
2. Ban Kinh tế - Ngân sách;
3. Ban Văn hóa - Xã hội;
4. Ban Dân tộc.

Điều 2. Quy định số lượng Ủy viên các Ban HĐND tỉnh, như sau:

Mỗi Ban HĐND tỉnh có 05 Ủy viên hoạt động kiêm nhiệm (không bao gồm

Trưởng ban và Phó Trưởng ban hoạt động chuyên trách).

Điều 3. Trên cơ sở đăng ký của đại biểu HĐND tỉnh và số lượng Ủy viên của mỗi Ban HĐND tỉnh, Trưởng ban các Ban HĐND tỉnh lập danh sách Ủy viên của Ban trình Thường trực HĐND tỉnh phê chuẩn theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Hà Giang khóa XVIII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ
của HĐND tỉnh Hà Giang năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 02/TTr-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Kế hoạch tổ chức các kỳ họp năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2021 của HĐND tỉnh, như sau:

1. Kỳ họp thường lệ giữa năm tổ chức từ ngày 14 đến ngày 16/7/2021.
2. Kỳ họp thường lệ cuối năm dự kiến tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 05/12/2021 đến ngày 10/12/2021.

(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo Nghị quyết này)

Ngoài việc tổ chức các kỳ họp thường lệ nêu trên, trong trường hợp cần thiết, theo yêu cầu, nhiệm vụ thực tiễn của địa phương, HĐND tỉnh sẽ tổ chức các kỳ họp chuyên đề góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 2. HĐND tỉnh giao cho Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVIII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021./.

**CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Giang
(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của HĐND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành, tạo sự chủ động của các cơ quan có liên quan chuẩn bị tốt các nội dung Kỳ họp HĐND tỉnh trong năm 2021, góp phần từng bước nâng cao chất lượng Kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nội dung kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ của ngành chủ động chuẩn bị nội dung các Kỳ họp bảo đảm đúng quy định của pháp luật, đúng tiến độ, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

b) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc chuẩn bị nội dung các Kỳ họp.

II. NỘI DUNG CÁC KỲ HỌP

1. Kỳ họp thường lệ giữa năm 2021

1.1. Xem xét các báo cáo:

a) Xem xét các báo cáo:

- Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Các Báo cáo của UBND tỉnh 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021: Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tình hình thu, chi ngân sách địa phương và sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; công tác phòng, chống tham nhũng; phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và trả lời kiến nghị của cử tri.

- Nghe Ủy ban MTTQVN tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính

quyền 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021.

b) Tổ chức các phiên thảo luận tại Kỳ họp.

c) Chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp.

d) Xem xét, thông qua 20 dự thảo Nghị quyết, gồm:

- Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của HĐND Hà Giang khóa XVIII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Nghị quyết ban hành Nội quy các Kỳ họp HĐND tỉnh Hà Giang khóa XVIII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Hà Giang khóa XVIII nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Nghị quyết ban hành chương trình giám sát năm 2022 của HĐND tỉnh Hà Giang khóa XVIII nhiệm kỳ 2021 - 2026 và sửa đổi nội dung giám sát chuyên đề quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 về ban hành chương trình giám sát năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang (*áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025*).

- Nghị quyết quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập, từ năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu của tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức đang làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội; đối tượng khó khăn được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định mức trợ cấp ngày công lao động cho dân quân trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết về hỗ trợ chuyên đổi chất lợp mái cho các hộ gia đình có nhà ở bị

hư hỏng, thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng dự án: Cụm công trình thủy lợi các huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2021 (bổ sung).

- Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đường giao thông lên trận địa và đài quan sát phòng không tại núi Mỏ Neo, thành phố Hà Giang.

- Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Khắc phục tuyến đường xã Lũng Tám đến trung tâm xã Thái An, huyện Quản Bạ.

- Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết thông qua nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch xã Du Già huyện Yên Minh; nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch sông Nho Quế huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết về việc thông qua các nhiệm vụ Đề án Quy hoạch xây dựng khu chức năng do UBND tỉnh Hà Giang tổ chức lập quy hoạch.

- Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn (*nếu có*).

2.2. Kỳ họp thường lệ cuối năm 2021

a) Xem xét các báo cáo:

- Báo cáo công tác năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự.

- Các Báo cáo của UBND tỉnh năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022: Về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; tình hình thu, chi ngân sách địa phương và sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh; tình hình tài chính nhà nước tỉnh Hà Giang năm 2020; công tác phòng, chống tham nhũng; phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và trả lời kiến nghị của cử tri. Báo cáo Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020; báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn; báo cáo chuyên đề về

tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp; báo cáo tình hình quản lý và sử dụng biên chế công chức, chỉ tiêu hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội đặc thù tỉnh Hà Giang năm 2021 và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).

- Nghe Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thông báo kết quả Kỳ họp thứ Hai, Quốc hội khóa XV; tổng hợp trả lời của các Bộ, ngành Trung ương đối với các kiến nghị của cử tri tỉnh Hà Giang của Quốc hội (nếu có).

- Nghe Ủy ban MTTQVN tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ năm 2022.

b) Tổ chức các phiên thảo luận tại Kỳ họp.

c) Chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp.

d) Xem xét, thông qua 19 dự thảo Nghị quyết, gồm:

- Nghị quyết quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

- Nghị quyết phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2020.

- Nghị quyết về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2021.

- Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2022.

- Nghị quyết về phân bổ ngân sách địa phương năm 2022.

- Nghị quyết thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghị quyết phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022.

- Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 41/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của HĐND tỉnh Hà Giang về phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ tiền ăn thường xuyên của vận động viên thể thao hệ đào tạo tập trung tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định một số mức chi kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy

phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở, chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

- Nghị quyết quy định về phí thăm quan Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn.

- Nghị quyết thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết về việc phê duyệt tổng biên chế công chức, chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Hà Giang năm 2022.

- Nghị quyết về việc phê duyệt tổng số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/MD-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội đặc thù tỉnh Hà Giang năm 2022.

- Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án.

- Nghị quyết thông qua kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2022 của HĐND tỉnh Hà Giang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Nghị quyết về chất vấn và trả lời chất vấn (nếu có).

III. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Thời gian

- Tổ chức Kỳ họp thường lệ giữa năm 2021: Dự kiến 03 ngày (trong khoảng thời gian từ ngày 14/7/2021 đến ngày 16/7/2021).

- Tổ chức Kỳ họp thường lệ cuối năm 2021: Dự kiến 03 ngày (trong khoảng thời gian từ ngày 05/12/2021 đến ngày 10/12/2021).

2. Địa điểm: Hội trường Tỉnh ủy Hà Giang.

IV. THÀNH PHẦN THAM DỰ KỲ HỌP

1. Các Đại biểu HĐND tỉnh Hà Giang.

2. Khách mời tham dự Kỳ họp:

- Đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ; Đại biểu Quốc hội được bầu tại địa phương.

- Thành viên UBND tỉnh, Chánh án TAND tỉnh, Viện trưởng VKSND tỉnh, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân; một số tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ quan báo chí.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Thường trực HĐND tỉnh

- Quyết định triệu tập và tổ chức các Kỳ họp.

- Phối hợp với UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh và các cơ quan có liên quan trong việc chuẩn bị Kỳ họp.

- Phân công các Ban HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị các Kỳ họp.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri báo cáo HĐND xem xét tại Kỳ họp.

- Chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chuẩn bị các điều kiện bảo đảm tổ chức các Kỳ họp.

2. Đối với UBND tỉnh

- Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh chuẩn bị tốt nội dung các Kỳ họp trong năm 2021.

- Chuẩn bị các báo cáo, dự thảo Nghị quyết, Đề án trình tại Kỳ họp đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật.

3. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án

dân sự tỉnh: Báo cáo kết quả công tác 6 tháng và năm 2021 với HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban MTTQVN tỉnh

- Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri; chủ trì, phối hợp với Tổ đại biểu HĐND tỉnh tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho các đại biểu HĐND tỉnh tại địa phương nơi đại biểu ứng cử.

- Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tại các cuộc tiếp xúc cử tri báo cáo HĐND tỉnh.

- Xây dựng Thông báo về việc tham gia xây dựng chính quyền 6 tháng đầu năm 2021 và năm 2021.

5. Các Ban HĐND tỉnh

- Tham gia chuẩn bị nội dung Kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

- Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo kết quả thẩm tra với HĐND tỉnh.

- Báo cáo công tác hoạt động 6 tháng và năm 2021 của Ban theo quy định.

6. Tổ đại biểu HĐND tỉnh

- Chỉ đạo các thành viên Tổ đại biểu nghiên cứu tài liệu và có ý kiến tham gia tại các phiên thảo luận tại Kỳ họp HĐND tỉnh.

- Phối hợp với UBMTTQ tổ chức cho Đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri trước và sau Kỳ họp.

7. Các Đại biểu HĐND tỉnh

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền và trách nhiệm của Đại biểu HĐND trước, trong và sau Kỳ họp theo luật định. Chủ động nghiên cứu tài liệu Kỳ họp, thực hiện giám sát tại Kỳ họp. Tham gia tích cực và trách nhiệm trong việc thảo luận và quyết định các vấn đề trong chương trình Kỳ họp./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án
sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án, sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý (trong đó, có 04 dự án nhóm B, 01 dự án nhóm C); cụ thể như sau:

1. Dự án khắc phục hậu quả thiên tai bảo vệ cơ quan và khu dân cư, huyện ủy, huyện Hoàng Su Phì - Dự án nhóm B (chi tiết theo Phụ lục I).

2. Dự án Đường cơ động nội bộ kiêm huấn luyện lái xe dự án nhóm C (chi tiết theo Phụ lục II).

3. Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ km 160+500, QL4C xã Pả Vi đi mốc 456 xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục III*).

4. Dự án đường nội thị, thị trấn Vị Xuyên (giai đoạn 1, đoạn phía sau UBND huyện Vị Xuyên) - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục IV*).

5. Dự án đường từ Trung tâm huyện Đồng Văn đi mốc 450 (*nay là mốc 456*) huyện Mèo Vạc - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục V*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2021 ./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

Phụ lục I**DỰ ÁN: CÔNG TRÌNH KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI BẢO VỆ CƠ QUAN VÀ KHU DÂN CƯ, HUYỆN ỦY, HUYỆN HOÀNG SU PHÌ**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Quy mô đầu tư

a) Quy mô đầu tư đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Xây dựng tuyến đường ra vào Huyện ủy, chiều dài khoảng 4.090m. Kết cấu mặt đường bằng BTXM; xây dựng hoàn chỉnh các công trình thoát nước, và hệ thống an toàn giao thông; xây dựng tường chắn ta luy âm, dương trên tuyến với tổng chiều dài khoảng 475 m. Chia làm 2 đoạn, như sau:

+ Đoạn I, dài 2.040m; điểm đầu tại Km57+200, ĐT.177; điểm cuối tại Huyện ủy, khu vực trường chính trị cũ. Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (*tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054:2005*) có chãm trước bán kính đường cong nằm và độ dốc dọc, cụ thể: Chiều rộng nền đường 6,5m (*chưa bao gồm mở rộng trong đường cong*); chiều rộng mặt đường 3,5m.

+ Đoạn II dài 2.050m; điểm đầu tại Km1+480m thuộc đoạn tuyến 1 khu ngã ba truyền hình; điểm cuối tại ngã ba đi xã Đản Ván. Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi (*tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054:2005*) có chãm trước bán kính đường cong nằm và độ dốc dọc, cụ thể: Chiều rộng nền đường 6,0m (*chưa bao gồm mở rộng trong đường cong*); chiều rộng mặt đường 3,5m.

- Nâng cấp, cải tạo tuyến đường nội thị, thị trấn Vinh Quang, chiều dài 3.014m, gồm 2 đoạn (*đoạn I, dài 2.375m; đoạn II, dài 639m*). Trên cơ sở chiều rộng nền, mặt đường hiện tại, tiến hành xử lý các hư hỏng nền, mặt đường, thảm bê tông nhựa 2 lớp; xây dựng hệ thống thoát nước và các công trình phụ trợ trên tuyến.

- Xây dựng 455,4 m kè chống sạt lở (*phía trước và sau khu vực Huyện ủy*), kết cấu bê tông cốt thép.

- Xây dựng kè khu vực trường nội trú, dài 410 m; kết cấu bê tông cốt thép.

- San ủi mặt bằng: Tổng diện tích 6.806.7m², gồm 02 lô (*lô 1 diện tích 5.226.07m²; lô 2 diện tích 1.580.71m²*).

b) Quy mô đầu tư sau điều chỉnh: (*Cắt giảm toàn bộ các hạng mục: Nâng cấp*

cải tạo tuyến đường nội thị thị trấn Vinh Quang với chiều dài 3.014m; kè khu vực trường nội trú dài 410m và hạng mục san ủi mặt bằng; cắt giảm chiều dài tuyến kè chống sạt lở khu vực Huyện ủy từ 455,4m còn 75m). Sau khi điều chỉnh, quy mô công trình cụ thể như sau:

- Xây dựng tuyến đường ra vào Huyện ủy, chiều dài khoảng 4.090m. Kết cấu mặt đường bằng BTXM; xây dựng hoàn chỉnh các công trình thoát nước và hệ thống an toàn giao thông; xây dựng tường chắn ta luy âm, dương trên tuyến với tổng chiều dài khoảng 475 m. Chia làm 2 đoạn, như sau:

+ Đoạn I, dài 2.040m; điểm đầu tại Km57+200, ĐT.177; điểm cuối tại Huyện ủy, khu vực trường chính trị cũ. Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (*tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054:2005*) có chàm trước bán kính đường cong nằm và độ dốc dọc, cụ thể: Chiều rộng nền đường 6,5m (*chưa bao gồm mở rộng trong đường cong*); chiều rộng mặt đường 3,5m.

+ Đoạn II, dài 2.050m; điểm đầu tại Km1+480m thuộc đoạn tuyến 1 khu ngã 3 truyền hình; điểm cuối tại ngã ba đi xã Đản Ván. Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi (*tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054:2005*) có chàm trước bán kính đường cong nằm và độ dốc dọc, cụ thể: Chiều rộng nền đường 6,0m (*chưa bao gồm mở rộng trong đường cong*); chiều rộng mặt đường 3,5m.

- Xây dựng kè chống sạt lở khu vực huyện ủy (*Trường chính trị cũ*) với tổng chiều dài là 75m. Kết cấu bê tông xi măng và bê tông cốt thép.

2. Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

a) Tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND: 215.500.000.000 đ (*Hai trăm mười lăm tỷ, năm trăm triệu đồng*).

- Cơ cấu nguồn vốn: Vốn NSTW từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; vốn ngân sách Trung ương; vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó:

+ Giai đoạn I (2016 - 2020): Vốn NSTW từ nguồn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 là 54.000.000.000 đồng.

+ Giai đoạn II (2021 - 2025): Vốn Ngân sách Trung ương; vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác: 161.500.000.000 đồng.

b) Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 106.500.000.000 đồng (*một trăm linh sáu tỷ, năm trăm triệu đồng*).

- Cơ cấu nguồn vốn:

+ Vốn NSTW từ nguồn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 bằng 10.000.000 đồng (*Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh*).

+ Vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 bằng 96.000.000 đồng (*đã bố trí cho dự án 20.000.000.000 đồng tại Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh*).

3. Lý do điều chỉnh: Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND. Tuy nhiên, sau khi có thông báo về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Hà Giang tại Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Do nguồn vốn bố trí cho dự án hạn chế, không đủ khả năng bố trí kế hoạch vốn theo giá trị tổng mức đầu tư đã phê duyệt, cần thiết phải điều chỉnh cắt giảm một số hạng mục của dự án để phù hợp với mục tiêu, nguồn vốn đầu tư cho dự án.

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt tại phụ lục XIX, Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Phụ lục II**DỰ ÁN: ĐƯỜNG CƠ ĐỘNG NỘI BỘ KIỂM HUẤN LUYỆN LÁI XE**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Quy mô đầu tư

a) Quy mô đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang: Tổng chiều dài tuyến đường 2.431,5m, thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp B-GTNT (TCVN 10380:2014), chia làm 2 đoạn:

+ Đoạn 1: Dài 1.649,76m; điểm đầu từ công đơn vị vào đi theo hướng trái của đại đội C27 tăng thiết giáp (*đường nội bộ cơ động kiểm huấn luyện*), cơ tuyến triển khai theo ranh giới đất Quốc phòng, điểm cuối kết thúc tại vị trí bể bơi huấn luyện C20 đại đội trinh sát C20.

+ Đoạn 2: Dài 781,81m; điểm đầu từ công đơn vị vào đi theo hướng phải của đại đội C20 trinh sát (*đường nội bộ cơ động kiểm huấn luyện*), cơ tuyến triển khai theo ranh giới đất Quốc phòng, điểm cuối kết thúc tại K30.

- Các thông số kỹ thuật chủ yếu: Nền đường rộng 5,0m (*mở rộng trong đường cong theo bán kính*). Mặt đường BTXM rộng mặt đường 3,5m (*mở rộng trong đường cong theo bán kính*). Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và công trình phụ trợ.

b) Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh cơ tuyến đoạn 2 sang bên phải của tuyến nhánh đi K30 (Km0+72,82 - Km0+282,86); điều chỉnh cơ tuyến tại nhánh D, nút giao đầu tuyến (Km0+0,00 - Km0+105,07) tuyến nhánh đi K30.

- Bổ sung mặt đường bê tông dài 105,58m (*từ công chính doanh trại đến nút giao đầu tuyến Km0 tuyến chính và tuyến nhánh*).

- Bổ sung rãnh hộp BxH = (1,0x1,2)m, dài 37m; bổ sung cống hộp BxH=2x2m tại Km 1+469,17 đoạn 1.

- Bổ sung mặt đường bê tông xi măng đoạn (Km1+427,93 – Km1+489,17), chiều dài L=61,24m; bổ sung cống hộp BxH= 1,0x1,0m tại cọc 19 (Km0+440) đoạn 2 đi sang K30.

2. Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

a) Tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND: 9.225.000.000 đồng (*chín tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn*).

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2018 - 2020.

b) Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 14.577.792.000 đồng (*mười bốn tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm chín hai nghìn đồng*).

- Cơ cấu nguồn vốn:

+ Giai đoạn 2018 - 2020: 7.500.000.000 đồng (*nguồn vốn ngân sách tỉnh*).

+ Giai đoạn 2021 - 2025: 7.077.792.000 đồng (*nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương*).

3. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án

a) Thời gian, tiến độ thực hiện đã được phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND: Năm 2018 - 2020.

b) Thời gian, tiến độ thực hiện điều chỉnh: Năm 2018 - 2022.

4. Lý do điều chỉnh

Dự án được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018; khởi công xây dựng từ tháng 02 năm 2019. Tuy nhiên, quá trình triển khai thi công xây dựng đã phát sinh thêm phần diện tích đất dân sự phải thu hồi, bồi thường, với tổng diện tích là 7.236,4 m²; đồng thời, do ảnh hưởng của thiên tai, mưa lũ kéo dài từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 do không thoát nước kịp, đã gây đứt gãy, hư hỏng nền, mặt đường một số đoạn tuyến. Để bảo đảm hiệu quả của dự án khi hoàn thành đưa vào khai thác, việc điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục của dự án là cần thiết.

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang./.

Phụ lục III**DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TUYẾN ĐƯỜNG TƯƠNG KM 160+500,
QL.4C XÃ PẢ VI ĐI MỐC 456 XÃ THƯỢNG PHÙNG,
HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Quy mô đầu tư

a) Quy mô đầu tư phê duyệt tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

- Tổng chiều dài tuyến đường 31,97 km, chia làm 2 đoạn:

+ Đoạn 1, dài 23,31 km; điểm đầu tại Km 160+500, QL.4C (xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc); điểm cuối tại Mốc 476 xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

+ Đoạn 2, dài 8,66 km; điểm đầu tại lý trình Km23+00; điểm cuối tại Mốc 456, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

- Tiêu chuẩn thiết kế: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế); có chãm trước một số yếu tố như độ dốc dọc và bán kính đường cong; các chỉ tiêu kỹ thuật chính như sau:

+ Chiều rộng nền đường 7,5m (chưa bao gồm mở rộng trong đường cong). Chiều rộng lề đường 2x1,0m (gia cố lề như kết cấu áo đường 2x0,5m).

+ Chiều rộng mặt đường 5,5m, mặt đường đá dăm láng nhựa.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, công trình phụ trợ, hệ thống báo hiệu đường bộ theo quy định hiện hành.

- Xây dựng cầu Tràng Hương bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực tổng chiều dài toàn cầu 82,20m, chiều rộng toàn cầu 8,0m; sơ đồ nhịp gồm: 1x33m và 2x18m.

b) Quy mô đầu tư sau điều chỉnh:

- Tổng chiều dài tuyến đường 17,2 km.

+ Điểm đầu: Tại đầu cầu Tràng Hương (khoảng Km6, đường Pả Vi - Xín Cái).

+ Điểm cuối: Tại Mốc 476 xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

- Tiêu chuẩn thiết kế: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế) có chãm trước một số yếu tố như độ dốc dọc, bán kính đường cong, các chỉ tiêu kỹ thuật chính như sau:

+ Chiều rộng nền đường 7,5m (*chưa bao gồm mở rộng trong đường cong*).
Chiều rộng lề đường 2x1,0m (*gia cố lề như kết cấu áo đường 2x0,5m*).

+ Chiều rộng mặt đường 5,5m, mặt đường đá dăm láng nhựa.

- Xây dựng các công trình phụ trợ (*kè, tường chắn đất*); hoàn thiện hệ thống công trình thoát nước; hoàn thiện công trình phòng hộ và an toàn giao thông theo tiêu chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Xây dựng cầu Tràng Hương bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực tổng chiều dài toàn cầu 82,20m, chiều rộng toàn cầu 8,0m; sơ đồ nhịp gồm: 1x33m và 2x18m.

2. Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

a) Tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND: 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn*).

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ và nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, dự kiến kế hoạch bố trí vốn năm 2021 - 2024 thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

b) Tổng mức đầu tư điều chỉnh: 300.000.000.000 đồng (*Ba trăm tỷ đồng chẵn*).

- Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 250.000.000.000 đồng thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Vốn ngân sách địa phương: 50.000.000.000 đồng (*năm 2021 dự án đã được bố trí 20.000.000.000 đồng tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh*).

4. Lý do điều chỉnh: Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND. Tuy nhiên, sau khi có thông báo về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Hà Giang tại Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, do nguồn vốn bố trí cho dự án hạn chế, không đủ khả năng bố trí kế hoạch vốn theo giá trị tổng mức đầu tư đã phê duyệt. Do đó cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, để phù hợp với nguồn vốn bố trí cho dự án.

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt tại phụ lục I, Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang./.

Phụ lục IV**DỰ ÁN: ĐƯỜNG NỘI THỊ THỊ TRẤN VỊ XUYÊN
(GIAI ĐOẠN 1, PHÍA SAU UBND HUYỆN VỊ XUYÊN)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND: 309.000.000.000 đồng (*Ba trăm linh chín tỷ đồng chẵn*).

- Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương; dự kiến kế hoạch bố trí vốn năm 2021 - 2024 thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

b) Giữ nguyên giá trị tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND. Đề nghị điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, cụ thể như sau:

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương; nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương và nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Trong đó:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: 250.000.000.000 đồng (*vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 220.000.000.000 đồng; nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương 10.500.000.000 đồng; vốn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: 19.500.000.000 đồng*).

+ Giai đoạn 2026 - 2030: 59.000.000.000 tỷ đồng (*sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương*).

3. Lý do điều chỉnh: Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND. Trong dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho dự án 250.000.000.000 đồng, vốn ngân sách Trung ương. Để phù hợp với khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công, cần thiết phải điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và phân kỳ đầu tư dự án.

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt tại phụ lục IX, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang./.

Phụ lục V**DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ TRUNG TÂM HUYỆN ĐỒNG VĂN ĐI MỐC 450
(NAY LÀ MỐC 456) HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư

a) Tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND: 279.997.002.000 đồng (*hai trăm bảy mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, không trăm linh hai nghìn đồng*).

- Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách Trung ương hỗ trợ, dự kiến kế hoạch bố trí vốn năm 2021 - 2024 thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (*năm 2021 bố trí nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là 20.000.000.000 đồng*).

b) Giữ nguyên giá trị tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND. Đề nghị điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn, cụ thể như sau:

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương; nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương và nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Trong đó:

+ Giai đoạn 2021 - 2025: 220.000.000.000 đồng (*vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ là 180.000.000.000 đồng; nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: 20.000.000.000 đồng; vốn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: 20.000.000.000 đồng*).

+ Giai đoạn 2026 - 2030: 59.997.000.000 đồng (*sử dụng nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương*).

2. Lý do điều chỉnh: Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số Nghị quyết số 51/NQ-HĐND. Trong dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho dự án 220.000.000.000 đồng, vốn ngân sách Trung ương. Để phù hợp với khoản 2, Điều 52 Luật Đầu tư công, cần thiết phải điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và phân kỳ đầu tư dự án.

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt tại phụ lục IV, Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021
sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2021 sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư 17 dự án khởi công mới năm 2021, sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý (*trong đó, có 11 dự án nhóm B, 06 dự án nhóm C*), cụ thể như sau:

1. Dự án sửa chữa, cải tạo và nâng cấp Trụ sở làm việc của Thường trực Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục I*).

2. Dự án khu liên hợp thể thao và văn hóa tỉnh Hà Giang (giai đoạn II) - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục II*).

3. Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL.2, xã Tân Quang đi UBND xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục III*).
4. Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.183 đoạn Km17 - Km50+200 và đường Phố Cáo, Đồng Yên đến giáp địa danh Lục Yên, tỉnh Yên Bái - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục IV*).
5. Dự án cải tạo, nâng cấp đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT.178), tỉnh Hà Giang (Giai đoạn I từ Km0 - Km27) và xây dựng cầu Bản Ngò tại Km60+600 - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục V*).
6. Dự án cải tạo, nâng cấp đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B), tỉnh Hà Giang (giai đoạn I từ Km7+200 đến Km27+500) - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục VI*).
7. Dự án xây dựng bổ sung cơ sở vật chất cho cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần, cai nghiện ma túy tỉnh Hà Giang (trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội) - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục VII*).
8. Dự án sửa chữa tuyến đường Đồng Yên - Vĩnh Phúc (ĐH.09), huyện Bắc Quang - Dự án nhóm C (*chi tiết theo Phụ lục VIII*).
9. Dự án nâng cấp, mở mới tuyến đường liên huyện từ xã Tả Sử Choóng, huyện Hoàng Su Phì đi xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục IX*).
10. Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Km17, QL.4C đi Trạm kiểm soát Biên phòng Minh Tân, huyện Vị Xuyên nối tuyến đường từ thôn Pao Mã Phìn, xã Tả Ván, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang (Giai đoạn I) - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục X*).
11. Dự án cải tạo, sửa chữa đường huyện (ĐH.02, ĐH.03, ĐH.04, ĐH.05) trên địa bàn các xã Phú Lũng, Thắng Mố, Sủng Cháng, Sủng Thái, huyện Yên Minh - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục XI*).
12. Dự án cụm hồ cấp nước sinh hoạt 4 huyện vùng cao núi đá phía Bắc - Dự án nhóm B (*chi tiết theo Phụ lục XII*).
13. Dự án cải tạo, sửa chữa đường Minh Khai, thành phố Hà Giang (đoạn từ cầu Yên Biên 2 đến trường tiểu học Kim Đồng) - Dự án nhóm C (*chi tiết theo Phụ lục XIII*).
14. Dự án xây dựng hệ thống kênh, kè chống lũ đầu nguồn khu vực tổ 1, thị

trần Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang - Dự án nhóm C (*chi tiết theo Phụ lục số XIV*).

15. Dự án cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho nhà khám chữa bệnh Khoa A10, Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang - Dự án nhóm C (*chi tiết theo Phụ lục XV*).

16. Dự án lắp đặt hệ thống Barie số 2 và xây dựng các hạng mục phụ trợ tại Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên (giai đoạn II) - Dự án nhóm C (*chi tiết theo Phụ lục XVI*).

17. Dự án Trạm kiểm soát liên ngành mốc 504 xã Sơn Vĩ, huyện Mèo Vạc (giai đoạn II) - Dự án nhóm C (*chi tiết theo Phụ lục XVII*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chỉ đạo các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện: Rà soát, chuẩn xác quy mô, nội dung đầu tư, bổ sung các quy hoạch có liên quan và thực hiện nghiêm túc các trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao: Thường xuyên rà soát tiến độ đầu tư của các dự án, tăng cường kiểm tra, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách; tránh lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng công trình; giải quyết các thủ tục hành chính, hướng dẫn, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi giúp chủ đầu tư hoàn thành dự án bảo đảm đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2021./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

Phụ lục I**DỰ ÁN: SỬA CHỮA, CẢI TẠO VÀ NÂNG CẤP TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY VÀ VĂN PHÒNG TỈNH ỦY**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Việc đầu tư sửa chữa, cải tạo và nâng cấp trụ sở làm việc của Thường trực Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, đảm bảo đáp ứng yêu cầu và phục vụ tốt cho công tác của Thường trực Tỉnh ủy, hoạt động của Văn phòng Tỉnh ủy.

2. Quy mô đầu tư:

- Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà làm việc 3 tầng theo hướng chỉ giữ lại một phần diện tích công trình hiện tại (khoảng 15%), phá dỡ toàn bộ kết cấu hiện trạng còn lại; mở rộng diện tích công trình sang 2 bên và phía sau khu vực nhà xe hiện trạng, tổ chức lại mặt bằng công năng, mặt đứng kiến trúc của công trình; chuyển hướng tiếp cận sảnh chính, mặt đứng chính công trình từ hướng Nam sang hướng Đông.

- Lắp đặt trang thiết bị nội thất hội trường, văn phòng, hệ thống điện, PCCC...

- Cải tạo, chỉnh trang sân vườn, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 46.701.000.000 đồng (*bốn mươi sáu tỷ, bảy trăm linh một triệu đồng chẵn*).

5. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương 21.701.000.000 đồng; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 10.000.000.000 đồng; nguồn kinh phí chi thường xuyên 15.000.000.000 đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023./.

Phụ lục II
DỰ ÁN: KHU LIÊN HỢP THỂ THAO
VÀ VĂN HÓA TỈNH HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN II)
(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật của toàn bộ dự án theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh; đồng thời, sớm đưa dự án vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển các hoạt động văn hóa và thể thao trên toàn tỉnh và góp phần hoàn thiện tiêu chí đô thị loại III của thành phố Hà Giang.

2. Quy mô đầu tư: Công trình dân dụng, cấp II.

- Hạng mục: Nhà luyện tập thi đấu thể thao: Công trình cấp II, sức chứa 2.000 chỗ ngồi; sân thể thao (sân cấp II), gồm sân thi đấu bóng rổ, bóng chuyền, bóng bàn, bóng ném, futsal, thể dục dụng cụ, võ, vật, cầu lông, cầu mây...

- Hạng mục: Nhà ký túc xá cho vận động viên, đoàn nghệ thuật tỉnh: Công trình cấp III, 4 tầng; tổng diện tích sàn khoảng 2.700 m².

- Hạng mục: Nhà điều hành khu liên hợp thể thao: Công trình cấp III, 4 tầng; tổng diện tích sàn khoảng 1.200 m².

- Hạng mục: Nhà đoàn nghệ thuật tỉnh Hà Giang: Công trình cấp III, 3 tầng; tổng diện tích sàn khoảng 4.500 m².

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Hệ thống đường giao thông: Xây dựng tuyến đường đôi nội D2, D6, D7 xung quanh khu vực sân vận động và khu liên hợp, chiều dài toàn tuyến: 893,93m; thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị - yêu cầu thiết kế TCXDVN104:2007, với thông số kỹ thuật: Bề rộng nền đường 16,5m; bề rộng mặt đường 10,5m; bề rộng lề đường (2x3,0)m; bán kính đường cong tại ngã giao nhau (R = 12 - 15m).

+ San ủi mặt bằng; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 261.636.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi một tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn).

5. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách địa phương từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Phương Độ, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.

Phụ lục III**DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG TỪ QL2, XÃ TÂN QUANG
ĐI UBND XÃ ĐỒNG TÂM, HUYỆN BẮC QUANG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện hạ tầng giao thông; kết nối với các Tiểu dự án 1 và 2, thuộc dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn; đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực bờ Đông sông Lô.

2. Quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến đường 10km.

+ Điểm đầu: Ngã tư Tân Quang, Quốc lộ 2, thuộc địa bàn xã Tân Quang, huyện Bắc Quang.

+ Điểm cuối tuyến: Tại Km1+990 đường từ xã Đồng Tâm (huyện Bắc Quang) đi xã Ngọc Linh (huyện Vị Xuyên).

- Tiêu chuẩn thiết kế: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (TCVN 4054: 2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế) có chằm trước một số yếu tố như độ dốc dọc và bán kính đường cong, các chỉ tiêu chủ yếu: Chiều rộng nền đường 7,5 mét (chưa kể mở rộng trong đường cong); chiều rộng mặt đường 5,5 mét. Lề đường 2x1,0 mét (gia cố như kết cấu áo đường 2x0,5 mét).

- Kết cấu mặt đường dự kiến: Cấp cao A1 (BTN); tải trọng thiết kế trục nặng 10T, Eyc \geq 130Mpa.

- Hoàn thiện hệ thống thoát nước dọc và ngang; xây dựng mới 03 cầu BTCT dầm bản rộng, nhịp 18mét tại các lý trình: Km3+140; Km7+440; Km5+960 và hoàn thiện hệ thống công trình phòng hộ, an toàn giao thông theo tiêu chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 179.995.492.000 đồng (*một trăm bảy mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm chín hai nghìn đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tân Quang và xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.

Phụ lục IV**DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐT.183, GIAI ĐOẠN KM17-KM50+200
VÀ ĐƯỜNG PHỐ CÁO, ĐỒNG YÊN ĐẾN GIÁP
ĐỊA DANH LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông; tạo điều kiện thuận lợi cho người và phương tiện tham gia giao thông. Kết nối mạng lưới giao thông trong khu vực; tạo điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, góp phần nâng cao mức sống cho nhân dân.

2. Quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến đường khoảng 37 km, gồm 02 đoạn tuyến:

+ Đoạn 1: Đoạn Km17+00 - Km50+200, ĐT.183 dài khoảng 33,2km. Điểm đầu Km17+00, xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang; điểm cuối Km50+200 (*tiếp giáp đường nội thị, thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình*).

+ Đoạn 2: Đường Phố Cáo - Lục Yên (đoạn Km0+00 - Km3+800), dài khoảng 3,8km. Điểm đầu Km0+00 tại ngã ba giao ĐT.183, Phố Cáo, xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang; điểm cuối tại Km3+800, giáp địa danh xã Ninh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Tiêu chuẩn thiết kế: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế) có chôn trước một số yếu tố như độ dốc dọc và bán kính đường cong, các chỉ tiêu chủ yếu: Chiều rộng nền đường 7,5m (*chưa kể mở rộng trong đường cong*); chiều rộng mặt đường 5,5m. Lê đường 2x1,0m (*gia cố như kết cấu áo đường 2x0,5m*).

- Kết cấu mặt đường dự kiến: Cấp cao A1 (BTN); tải trọng thiết kế trục nặng 10T, Eyc \geq 130Mpa.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình thoát nước dọc, ngang tuyến; hoàn thiện công trình phòng hộ và an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 299.936.000.000 đồng (*hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 200.000.000.000 đồng.

- Vốn ngân sách địa phương: 99.936.000.000 đồng (*năm 2021 dự án đã được bố trí 25.000.000.000 đồng tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh*).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Bắc Quang và huyện Quang Bình.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.

Phụ lục V**DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG YÊN BÌNH - CỐC PÀI
(ĐT.178), TỈNH HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN I TỪ KM0 - KM27)
VÀ XÂY DỰNG CẦU BẢN NGÒ TẠI KM60 + 600**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Góp phần hoàn thiện về cơ sở hạ tầng giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại giao lưu kinh tế, văn hóa xã hội, kết nối mạng lưới giao thông trong khu vực, tạo đà thúc đẩy các hoạt động thương mại, dịch vụ, thu hút đầu tư, giao dịch thương mại, tạo việc làm, ổn định về quốc phòng an ninh.

2. Quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến đường (giai đoạn I) 27 km.

+ Điểm đầu tuyến: Km0+00 (giao với QL.279 tại Km24+350), thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình.

+ Điểm cuối: Km27+00, xã Nà Chì, huyện Xín Mần.

a) Phần đường:

- Tiêu chuẩn thiết kế: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (TCVN 4054: 2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế) có chêm trước một số yếu tố như độ dốc dọc và bán kính đường cong, các chỉ tiêu chủ yếu: Chiều rộng nền đường 7,5m (*chưa kể mở rộng trong đường cong*); chiều rộng mặt đường 5,5 m. Lề đường 2x1,0m (*gia cố như kết cấu áo đường 2 x 0,5 m*).

- Kết cấu mặt đường dự kiến: Cấp cao A1 (BTN); tải trọng thiết kế trục nặng 10T, Eyc \geq 130Mpa.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình thoát nước dọc, ngang tuyến; hoàn thiện công trình phòng hộ và an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

b) Phần cầu: Xây dựng mới 9 cầu vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực thay thế các cầu cũ trên tuyến tại các lý trình (1) Km5+800; (2) Km7+700; (3) Km16+400; (4) Km17+900; (5) Km22+600; (6) Km25+150; (7) Km 26+600; (8) Km28+200 và cầu Bản Ngò tại Km60+600.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 655.000.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi lăm tỷ đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 441.500.000.000 đồng.

- Vốn ngân sách địa phương: 213.500.000.000 đồng (*năm 2021 dự án đã được bố trí 40.000.000.000 đồng tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh*).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Quang Bình và huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.

Phụ lục VI**DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯỜNG MINH NGỌC - MẬU DUỆ
(ĐT.176B), TỈNH HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN I, TỪ KM7+200 ĐẾN KM27+500)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn thiện hệ thống đường tỉnh theo quy hoạch, nâng cao năng lực khai thác và vận hành công trình, đảm bảo kết cấu tổng thể của tuyến đường, bảo đảm cho các phương tiện tham gia giao thông an toàn thuận lợi. Tạo đà phát triển kinh tế xã hội tại địa bàn các xã đặc biệt khó khăn thuộc huyện Bắc Mê và Yên Minh góp phần nâng cao mức sống, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân vùng dự án.

2. Quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến đường (giai đoạn I) 20,3km. Điểm đầu tại Km7+200, xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê; điểm cuối tuyến Km27+500, ĐT.176B.

a) Phần đường:

- Tiêu chuẩn thiết kế: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế) có chêm trước một số yếu tố như độ dốc dọc và bán kính đường cong, các chỉ tiêu chính: Chiều rộng nền đường 7,5m (*chưa kể mở rộng trong đường cong*); chiều rộng mặt đường 5,5m. Lề đường 2x1,0m (*gia cố như kết cấu áo đường 2 x 0,5m*).

- Kết cấu mặt đường dự kiến: Cấp cao A1 (BTN); tải trọng thiết kế trục nặng 10T, Eyc \geq 130Mpa.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình thoát nước dọc, ngang tuyến; hoàn thiện công trình phụ trợ (*tường chắn bảo vệ nền đường*); hệ thống an toàn giao thông theo tiêu chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

b) Phần cầu: Xây dựng mới 02 cầu trên tuyến:

- Cầu Minh Sơn, Km8+400: Chiều dài toàn cầu 42,10 mét, chiều rộng toàn cầu 8,0 mét; thiết kế 1 nhịp dầm I bê tông cốt thép dự ứng lực 33mét.

- Cầu Bản Vàn, Km11+600: Chiều dài toàn cầu 75,15 mét, chiều rộng toàn cầu 8,0 mét; thiết kế 2 nhịp dầm I bê tông cốt thép dự ứng lực 33m.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 439.584.000.000 đồng (*bốn trăm ba mươi chín*

tỷ, năm trăm tám mươi bốn triệu đồng).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 300.000.000.000 đồng.

- Vốn ngân sách địa phương: 139.584.000.000 đồng (*năm 2021 dự án đã được bố trí 40.000.000.000 đồng tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh*).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Bắc Mê và huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.

Phụ lục VII**DỰ ÁN: XÂY DỰNG, BỔ SUNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO CƠ SỞ CHĂM SÓC VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG NGƯỜI TÂM THẦN - CAI NGHIỆN MA TÚY TỈNH HÀ GIANG (TRỰC THUỘC SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI)**

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Mục tiêu đầu tư: Đáp ứng nhu cầu tiếp nhận đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh vào quản lý tại cơ sở; tạo điều kiện cho người nghiện ma túy được điều trị bệnh, phục hồi hành vi nhân cách, ổn định cuộc sống, đồng thời giảm thiểu người nghiện ma túy gây rối an ninh trật tự, an toàn xã hội. Tạo điều kiện cho môi trường sống của người dân được an toàn, góp phần thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

2. Quy mô đầu tư:

a) Giai đoạn I (năm 2021 - 2023); xây dựng các hạng mục, gồm:

- Nhà bảo vệ, nhà thăm gặp, nhà thăm gặp khép kín: 01 nhà 01 tầng 08 gian (300m²).
- Nhà y tế: 01 nhà 02 tầng 9 gian (300m²).
- Nhà điều trị cắt cơn: 01 nhà 01 tầng 07 gian (200m²).
- Nhà điều trị: 03 nhà 01 tầng 09 gian (250m²).
- Nhà trực cán bộ: 01 nhà 01 tầng 9 gian (250m²).
- Nhà kỷ luật: 01 nhà 01 tầng 3 gian (15m²).
- Nhà bếp ăn: 01 nhà 01 tầng 05 gian (250m²).
- Hạng mục phụ trợ gồm: Bể nước; giếng khoan; cổng, hàng rào; hệ thống điện, nước, cây xanh, đường nội bộ.

b) Giai đoạn II (2023 - 2024); xây dựng các hạng mục còn lại, gồm:

- Nhà điều trị cắt cơn: 01 nhà 01 tầng 07 gian (200m²).
- Nhà điều trị: 03 nhà 01 tầng 09 gian (250m²).
- Nhà bếp ăn: 01 nhà 1 tầng 05 gian (250m²); bể nước.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 45.000.000.000 đồng (*bốn mươi lăm tỷ đồng*).

Trong đó:

- Giai đoạn I (2021 - 2023) là: 32.258.000.000 đồng.

- Giai đoạn II (2023-2025) là: 12.742.000.000 đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (*bao gồm cả nguồn vốn ngân sách tỉnh*).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.

Phụ lục VIII
DỰ ÁN: SỬA CHỮA TUYẾN ĐƯỜNG
ĐỒNG YÊN - VĨNH PHÚC (ĐH.09), HUYỆN BẮC QUANG
(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm nâng cao, duy trì năng lực khai thác và vận hành công trình, góp phần hoàn thiện về cơ sở hạ tầng về giao thông đường bộ, bảo đảm an toàn cho người và các phương tiện tham gia giao thông trên toàn tuyến. Mặt khác, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao lưu vận chuyển hàng hóa đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong vùng dự án.

2. Quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến đường 6.300m; gồm 02 nhánh, tuyến chính dài 6.094m; tuyến nhánh dài 206 m. Điểm đầu, tại ngã ba cầu Kiềng (Km13, ĐT.183); điểm cuối, tại trung tâm xã Vĩnh Phúc, huyện Bắc Quang.

- Giải pháp thiết kế:

+ Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang: Trên cơ sở chiều rộng nền, mặt đường hiện trạng, thực hiện xử lý các hư hỏng nền, mặt đường (*xử lý cao su, ổ gà, lún lệch, mặt đường hư hỏng nặng*); sau khi xử lý các hư hỏng, trên toàn bộ diện tích mặt đường thực hiện bù vênh, tăng cường kết cấu áo đường bằng lớp móng đá dăm lớp trên dày trung bình 12 cm, láng nhựa toàn bộ diện tích mặt đường, tiêu chuẩn 4,5 kg/m².

+ Đoạn tuyến qua trung tâm xã Vĩnh Phúc, dài khoảng 400m, thực hiện gia cố lề 2 bên x 1,0m như kết cấu áo đường, bảo đảm mặt đường sau khi gia cố có chiều rộng 5,50m.

+ Khơi thông cống rãnh; xây dựng, bổ sung hệ thống thoát nước, công trình phụ trợ và hoàn thiện hệ thống báo hiệu an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ (QCVN: 41/2016/BGTVT).

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 14.956.000.000 đồng (*mười bốn tỷ, chín trăm năm mươi sáu triệu đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 80% kinh phí từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh, vốn sự nghiệp giao thông hàng năm (11.900.000.000 đồng); ngân sách huyện tự đảm bảo 20% số kinh phí còn lại (3.056.000.000 đồng).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Đồng Yên và xã Vĩnh Phúc, huyện Bắc Quang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2022./.

Phụ lục IX
DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ MỐI TUYẾN ĐƯỜNG LIÊN HUYỆN
TỪ XÃ TẢ SỬ CHOÁNG, HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
ĐI XÃ THƯỢNG SƠN, HUYỆN VỊ XUYÊN

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn thiện, kết nối hạ tầng giao thông khu vực; tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm an ninh - quốc phòng trong vùng dự án.

2. Quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến đường 21,5km.

+ Điểm đầu: UBND xã Tả Sử Choáng, huyện Hoàng Su Phì.

+ Điểm cuối: UBND xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên.

- Tiêu chuẩn thiết kế: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi (TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế) có chôn trước về độ dốc dọc và bán kính đường cong; các chỉ tiêu kỹ thuật chính như sau: Chiều rộng nền đường 6,0m (chưa kể mở rộng trong đường cong); chiều rộng mặt đường 3,5m. Kết cấu áo đường dự kiến: Mặt đường đá dăm láng nhựa.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình thoát nước dọc, ngang tuyến; hoàn thiện công trình phòng hộ và an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 179.986.000.000 đồng (một trăm bảy mươi chín tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu đồng).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương và nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương. Trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 150.000.000.000 đồng thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

+ Vốn ngân sách địa phương: 29.986.000.000 đồng thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tả Sử Choáng, huyện Hoàng Su Phì và xã Thượng Sơn huyện Vị Xuyên.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.

Phụ lục X**DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP TUYẾN ĐƯỜNG TỪ KM17, QL.4C
ĐI TRẠM KIỂM SOÁT BIÊN PHÒNG MINH TÂN, HUYỆN VỊ XUYÊN
NỐI TUYẾN ĐƯỜNG TỪ THÔN PAO MÃ PHÌN, XÃ TẢ VÁN,
HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG (GIAI ĐOẠN I)**
*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông, đảm bảo quốc phòng an ninh chính trị khu vực, phát triển kinh tế xã hội của nhân dân các xã vùng biên giới, phục vụ cho việc cơ động lực lượng, vũ khí, lương thực, thực phẩm cho các lực lượng đóng quân tại khu vực biên giới, góp phần phòng chống tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại trong khu vực.

2. Quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến đường (giai đoạn I) 9,0 km.

+ Điểm đầu: Tại Km17, QL.4C, xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên.

+ Điểm cuối: Tại Km9+0,00, tại Trạm kiểm soát Biên phòng Minh Tân, huyện Vị Xuyên.

- Tiêu chuẩn thiết kế: Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế) có chôn trước về độ dốc dọc và bán kính đường cong; các chỉ tiêu kỹ thuật chính như sau: Chiều rộng nền đường 6,5m (*chưa kể mở rộng trong đường cong*); chiều rộng mặt đường 3,5m. Lề đường 2x1,5m.

- Kết cấu mặt đường dự kiến cấp cao A2.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình thoát nước dọc, ngang tuyến; hoàn thiện công trình phòng hộ và an toàn giao thông đường bộ theo tiêu chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 87.360.000.000 đồng (*tám mươi bảy tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương: 50.000.000.000 đồng từ nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 37.360.000.000 đồng (*từ nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025*).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.**Phụ lục XI****DỰ ÁN: CẢI TẠO, SỬA CHỮA ĐƯỜNG HUYỆN (ĐH.02, ĐH.03, ĐH.04, ĐH.05) TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ PHÚ LŨNG, THẮNG MỐ, SÙNG CHÁNG, SÙNG THÀI, HUYỆN YÊN MINH**
(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Mục tiêu đầu tư: Nâng cao, duy trì năng lực khai thác và vận hành công trình, góp phần hoàn thiện về cơ sở hạ tầng về giao thông đường bộ, bảo đảm an toàn cho người và các phương tiện tham gia giao thông trên toàn tuyến. Mặt khác, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động tại địa phương và ổn định về quốc phòng an ninh trong khu vực các xã biên giới, huyện Yên Minh.

2. Quy mô đầu tư

- Tổng chiều dài 04 tuyến đường khoảng 38,4km (trong đó, nhu cầu sửa chữa 30km), cụ thể:

+ Tuyến đường ĐH.02: Dài 16,6 km; dài 8,2 km (điểm đầu tại Km6+100, đường Na Khê - Bạch Đích; điểm cuối tại Mốc 358, xã Bạch Đích).

+ Tuyến đường ĐH.03: Dài 2,1km (điểm đầu tại Km6+600, ngã ba Phú Lũng - Thắng Mố (Đoạn trong); điểm cuối tại UBND xã Thắng Mố.

+ Tuyến đường ĐH.04: Dài 6,0 km (điểm đầu tại ngã ba Phú Lũng - Thắng Mố (Đoạn ngoài); điểm cuối tại UBND xã Sùng Cháng (địa điểm mới).

+ Tuyến đường ĐH.05: Dài 13,7km; (điểm đầu Km105, QL.4C; điểm cuối tại Trường trung học Sùng Cháng).

- Giải pháp thiết kế: Trên cơ sở chiều rộng nền, mặt đường các tuyến đường hiện tại, tiến hành xử lý các hư hỏng nền, mặt đường, tăng cường kết cấu áo đường; gia cố lề đường mỗi bên rộng từ 1,0 - 1,25m; mở rộng, cắt cua tại những vị trí đường cong bán kính nhỏ và những vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông.

- Xây dựng kè chắn đất taluy dương, taluy âm những đoạn sạt lở của từng tuyến đường.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình thoát nước dọc, ngang tuyến; hoàn thiện công trình phòng hộ và báo hiệu đường bộ theo tiêu chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 100.000.000.000 đồng (*một trăm tỷ đồng chẵn*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.

Phụ lục XII
DỰ ÁN: CỤM HỒ CẤP NƯỚC SINH HOẠT 04 HUYỆN
VÙNG CAO NÚI ĐÁ PHÍA BẮC

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Bảo đảm cấp nước sinh hoạt bền vững cho nhân dân 04 huyện vùng cao núi đá của tỉnh Hà Giang nói chung, vùng dự án nói riêng, giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nước sinh hoạt đối với các hộ dân hiện nay đang sinh sống trên Cao nguyên đá Đồng Văn, giảm sự di dịch cư tự do, giảm tỷ lệ người dân mắc bệnh do thiếu nước và nước bị nhiễm bẩn gây ra. Góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, thúc đẩy phát triển du lịch trên Công viên Địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn. Giúp nhân dân vùng dự án phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân vùng cao nguyên đá và ổn định về an ninh quốc phòng trong khu vực vùng biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

2. Quy mô đầu tư:

- Đầu tư xây dựng 14 hồ, tổng dung tích dự kiến khoảng 76.200 m³, cung cấp nước sạch sinh hoạt cho khoảng 2.649 hộ, 13.242 nhân khẩu, thuộc địa bàn 4 huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ (*huyện Đồng Văn 1.454 hộ, 7.267 khẩu; huyện Mèo Vạc 759 hộ, 3.795 khẩu; huyện Yên Minh 186 hộ, 930 khẩu; huyện Quản Bạ 250 hộ, 1.250 khẩu*).

+ Huyện Đồng Văn: Xây dựng 06 hồ cấp nước (*hồ Ngòi Trồ, xã Ma Lé, dung tích dự kiến 5.200m³; hồ Há Đê, xã Sủng Trái, dung tích dự kiến 5.000m³; hồ Mao Sao Phìn, xã Lũng Phìn, dung tích dự kiến 5.000m³; hồ Xóm Mới, thị trấn Phố Bàng, dung tích dự kiến 11.000m³; hồ Đình Lũng, xã Tà Phìn, dung tích dự kiến 5.000m³; hồ Sính Lũng, xã Sính Lũng, dung tích dự kiến 5.000m³*).

+ Huyện Mèo Vạc: Xây dựng 04 hồ cấp nước (*hồ Tia Cua Si, xã Giàng Chu Phìn, dung tích dự kiến 5.000m³; hồ Ha Dế, xã Khâu Vai, dung tích dự kiến 5.000m³; hồ Xà Lũng, xã Pả Vi, dung tích dự kiến 5.000m³; hồ Tia Chí Đưa, xã Cán Chu Phìn, dung tích dự kiến 5.000m³*).

+ Huyện Yên Minh: Xây dựng 02 hồ cấp nước (*hồ Lũng Búng, xã Na Khê, dung tích dự kiến 5.000m³; hồ Hồng Ngòi B, xã Sủng Thái, dung tích dự kiến 5.000m³*).

+ Huyện Quản Bạ: Xây dựng 02 hồ cấp nước (*hồ Sảng Cán Tỷ, xã Cán Tỷ, dung tích dự kiến 5.000m³; hồ Sải Giàng Phìn, xã Tả Ván, dung tích dự kiến 5.500m³*).

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 155.024.536.000 đồng (*một trăm năm mươi lăm tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Tại địa bàn 4 huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2024./.

Phụ lục XIII**DỰ ÁN: CẢI TẠO, SỬA CHỮA ĐƯỜNG MINH KHAI,
THÀNH PHỐ HÀ GIANG (ĐOẠN TỪ CẦU YÊN BIÊN 2
ĐẾN TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng về giao thông, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tăng vẻ đẹp mỹ quan cho các tuyến phố kiểu mẫu khu vực trung tâm thành phố Hà Giang, tăng mức độ tiếp cận của người dân với các dịch vụ công, tạo môi trường cảnh quan đô thị và xây dựng thành phố Hà Giang trở thành thành phố du lịch, dịch vụ.

2. Quy mô đầu tư:

- Tổng chiều dài tuyến đường, khoảng 1.230mét.

+ Điểm đầu: Cầu Yên Biên 2, thành phố Hà Giang.

+ Điểm cuối: Tại trường Tiểu học Kim Đồng, thành phố Hà Giang.

- Quy mô, giải pháp thiết kế: Trên cơ sở chiều rộng nền, mặt đường tuyến hiện tại tiến hành xử lý các hư hỏng nền, mặt đường, bù vênh và thảm mặt đường bê tông nhựa nóng; cải tạo vỉa hè, bồn cây; bó vỉa, tẩm đan rãnh; cải tạo hệ thống thoát nước; lát đá vỉa hè khu dân cư.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 31.631.021.000 đồng *(ba mươi một tỷ, sáu trăm ba một triệu, không trăm hai một nghìn đồng)*.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách địa phương thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (27.300.757.000 đồng); nguồn vốn xã hội hóa *(lát đá vỉa hè khu dân cư)*: 4.330.264.000 đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Minh Khai, thành phố Hà Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023./.

Phụ lục XIV**DỰ ÁN: XÂY DỰNG HỆ THỐNG KÊNH, KÈ CHỐNG LŨ
ĐẦU NGUỒN KHU VỰC TỔ 1, THỊ TRẤN MÈO VẠC,
HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Khắc phục tình trạng thường xuyên bị ngập lụt về mùa mưa bão, tại khu vực tổ 01, thị trấn Mèo Vạc huyện Mèo Vạc, nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng, tài sản của nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để các hộ dân trong khu vực ổn định chỗ ở, yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế gia đình và địa phương.

2. Quy mô đầu tư:

- Đập đầu mối: Chiều rộng (tràn) 20,0m, chiều cao đập 4,0m, ngưỡng tràn 1,5m, thân đập, tường cánh kết cấu bằng bê tông xi măng M200.

- Tuyến kênh thoát lũ: Dài 1.339,0m, kết cấu cụ thể như sau:

+ Đoạn 1 dài 439,0m; chiều rộng đáy 2,0m, chiều cao 1,5m, chiều rộng đỉnh 3,0m, kết cấu bằng BTCT M250 dày 20,0cm, bê tông lót M100 dày 10cm.

+ Đoạn 2 dài 165,0m, tiết diện 1,5x1,5m, kết cấu bằng BTCT M250, dày 20cm, bê tông lót M100 dày 10cm.

+ Đoạn 3 dài 735,0m, tiết diện 1,5x1,5m, kết cấu bằng BTCT M250, dày 20cm, bê tông lót M100 dày 10cm.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 10.225.881.000 đồng (*mười tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi một nghìn đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn sự nghiệp kinh tế, ngân sách tỉnh năm 2021 là 1.000.000.000 đồng; vốn từ nguồn thu sử dụng đất 4.000.000.000 đồng và nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là 5.225.881.000 đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023./.

Phụ lục XV
DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP VÀ MUA SẮM
TRANG THIẾT BỊ CHO NHÀ KHÁM CHỮA BỆNH KHOA A10,
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Mục tiêu đầu tư: Cải thiện cơ sở vật chất, đầu tư các máy móc, thiết bị y tế hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác khám, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho cán bộ cấp tỉnh khi điều dưỡng, khám chữa bệnh tại khu vực nhà khám, chữa bệnh A10 trong môi trường hiện đại, khang trang sạch sẽ.

2. Quy mô đầu tư:

- Cải tạo, nâng cấp công trình cấp III, 3 tầng, cụ thể: Phá dỡ toàn bộ lớp trát tường trong ngoài, cột, dầm, trần công trình và trát lại; phá dỡ gạch lát nền nhà tầng 1, tầng 2 và tầng 3 và lát lại; tháo dỡ toàn bộ cửa cũ, thay mới cửa nhựa lõi thép khung nhôm hệ Việt - Pháp; phá dỡ lớp láng Granito cầu thang cũ; lát lại cầu thang; phá dỡ lan can cầu thang cũ, thay thế bằng lan can mới; phá dỡ và làm lại trần, ốp lại tường, lát lại nền toàn bộ khu vệ sinh; sơn hoàn thiện toàn bộ công trình; thay mới thiết bị điện công trình; cải tạo sửa chữa lại kết cấu mái, sảnh đón bệnh nhân, ram dốc.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị sử dụng và thiết bị y tế phục vụ khoa A10.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 10.743.600.000 đồng (*mười tỷ, bảy trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2021 - 2023.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Minh Khai, thành phố Hà Giang.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2022./.

Phụ lục XVI**DỰ ÁN: LẮP ĐẶT HỆ THỐNG BARRIER SỐ 2 VÀ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ TẠI CỬA KHẨU QUỐC TẾ THANH THỦY, HUYỆN VỊ XUYÊN (GIAI ĐOẠN II)**

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Mục tiêu đầu tư: Nhằm góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, đảm bảo đáp ứng công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát của lực lượng chức năng khu vực biên giới cửa khẩu. Đồng thời, tạo cảnh quan đẹp, thu hút đầu tư, giao dịch thương mại, đẩy nhanh quá trình hoàn thiện mô hình phát triển toàn diện của Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, tạo đà phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới một cách bền vững, bảo đảm quốc phòng an ninh trong khu vực.

2. Quy mô đầu tư:

- Xây dựng mới 01 nhà làm việc (cấp III, 2 tầng, 6 phòng); xây mới 01 nhà bếp (cấp IV, 1 tầng, 3 phòng);

- Xây dựng các hạng mục phụ trợ, gồm: Bể chứa nước sinh hoạt (30m³); công, tường rào; sân, đường bê tông.

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 5.223.166.000 đồng (*năm tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Tại lý trình Km311+200, QL.2 (*xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên*).

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2022./.

Phụ lục XVII**DỰ ÁN: TRẠM KIỂM SOÁT LIÊN NGÀNH MỐC 504,
XÃ SƠN VĨ, HUYỆN MÈO VẠC (GIAI ĐOẠN II)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Mục tiêu đầu tư: Phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động xuất, nhập cảnh, xuất, nhập khẩu đối với người, phương tiện và hàng hóa qua lại tại khu vực Mốc 504; từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đáp ứng nhu cầu làm việc và sinh hoạt cho các cán bộ, nhân viên biên phòng làm nhiệm vụ trực tiếp tại chỗ, đồng thời đủ điều kiện nâng cấp lối mở biên giới theo lộ trình trong giai đoạn tới.

2. Quy mô đầu tư:

- San nền, tổng diện tích 1.046m²; xây dựng 03 tuyến tường chắn đất (*trong đó 01 tuyến tường chắn BTCT và 02 tuyến tường chắn bằng đá học xây vữa xi măng*).

- Xây dựng các công trình phụ trợ, gồm: Nhà vệ sinh; bốt gác; cổng tường rào; sân bê tông; bồn hoa...

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 6.941.888.000 đồng (*sáu tỷ, chín trăm bốn mươi một triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Vĩ, huyện Mèo Vạc.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021 - 2023./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua nhiệm vụ đề án
quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua các nhiệm vụ đề án quy hoạch phân khu; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nhiệm vụ đề án quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm Phương Tiến, Khu kinh tế Cửa khẩu Thanh Thủy (*chi tiết theo Phụ lục I*).

2. Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch tại thôn Nà Vin, Nặm Đăm, xã Quán Bạ, huyện Quán Bạ (*chi tiết theo Phụ lục II*).

3. Nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch tại ngã ba Tráng Kim, huyện Quản Bạ (*chi tiết theo Phụ lục III*).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2021./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

Phụ lục I**NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000
KHU TRUNG TÂM PHƯƠNG TIẾN, KHU KINH TẾ CỬA KHẨU THANH THỦY**

*(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

1. Tên Nhiệm vụ đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm Phương Tiến, Khu kinh tế Cửa khẩu Thanh Thủy.

2. Địa điểm: Xã Phương Tiến, huyện Vị Xuyên.

3. Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 431 ha.

4. Lý do và sự cần thiết lập Nhiệm vụ đồ án

Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 02/2/2012, là cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng và lập quy hoạch chi tiết.

Nhằm tạo lập các ý tưởng về tổ chức không gian, khả năng sử dụng khai thác quỹ đất có hiệu quả, làm cơ sở cho các dự án đầu tư xây dựng, quản lý và kiểm soát quá trình xây dựng, do đó cần thiết phải lập quy hoạch phân khu xây dựng khu trung tâm Phương Tiến.

5. Mục tiêu

Xây dựng Khu trung tâm Phương Tiến trở thành khu trung tâm đa chức năng đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ thương mại, cơ quan văn phòng, du lịch, công trình công cộng, cảnh quan sinh thái, nhu cầu ở mới, huy động nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho Khu kinh tế Cửa khẩu Thanh Thủy.

Tạo dựng bộ mặt kiến trúc cảnh quan, phát huy các giá trị cảnh quan và văn hóa đặc sắc của khu vực. Cải thiện môi trường sống cho khu dân cư hiện hữu, nâng cao hiệu quả, năng lực khai thác sử dụng quỹ đất.

6. Kinh phí thực hiện: 2.597.968.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

7. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

8. Thời gian lập đồ án: 09 tháng.

9. Thời gian phê duyệt đồ án: Quý II/2022.

Phụ lục II
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000 KHU DU LỊCH
TẠI THÔN NÀ VIN, NẶM ĐĂM, XÃ QUẢN BẠ, HUYỆN QUẢN BẠ
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Tên Nhiệm vụ đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu du lịch tại thôn Nà Vin, Nặm Đăm, xã Quản Bạ, huyện Quản Bạ.

2. Địa điểm: Thôn Nà Vin, Nặm Đăm, xã Quản Bạ, huyện Quản Bạ.

3. Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 372 ha.

4. Lý do và sự cần thiết lập Nhiệm vụ đồ án

Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đòng Vần được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/4/2017.

Nhằm tạo lập các ý tưởng về tổ chức không gian, khả năng sử dụng khai thác quỹ đất có hiệu quả, làm cơ sở lập các dự án đầu tư xây dựng, quản lý và kiểm soát quá trình xây dựng, cần thiết phải lập quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch tại thôn Nà Vin, Nặm Đăm, xã Quản Bạ, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

5. Mục tiêu

Xây dựng khu vực Nà Vin, Nặm Đăm trở thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng và bảo tồn nét văn hóa truyền thống.

Đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, cảnh quan trong khu vực. Cải thiện môi trường sống cho khu dân cư hiện hữu. Nâng cao hiệu quả năng lực khai thác sử dụng quỹ đất, bổ sung công trình công cộng, nhu cầu ở mới, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực.

6. Kinh phí thực hiện: 2.368.782.000 đồng. *(Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu; bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng)*

7. Nguồn vốn: Ngân sách huyện.

8. Thời gian lập đồ án: 09 tháng.

9. Thời gian phê duyệt đồ án: Quý II/2022.

Phụ lục III
QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000
KHU DU LỊCH TẠI NGÃ BA TRÁNG KÌM, HUYỆN QUẢN BẠ
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Tên Nhiệm vụ đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch tại Ngã ba Tráng Kim, huyện Quản Bạ.

2. Địa điểm: Xã Cán Tỷ, Lũng Tám, Đông Hà, huyện Quản Bạ.

3. Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 499 ha.

4. Lý do và sự cần thiết lập Nhiệm vụ đồ án

Cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung xây dựng công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đòng Văn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/04/2017.

Nhằm tạo lập các ý tưởng về tổ chức không gian, khả năng sử dụng khai thác quỹ đất có hiệu quả, làm cơ sở lập các dự án đầu tư xây dựng, quản lý và kiểm soát quá trình xây dựng, cần thiết phải lập quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch tại Ngã ba Tráng Kim, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

5. Mục tiêu

Xây dựng khu vực Ngã ba Tráng Kim trở thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng và bảo tồn nét văn hóa truyền thống.

Đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, cảnh quan trong khu vực. Cải thiện môi trường sống cho khu dân cư hiện hữu. Nâng cao hiệu quả năng lực khai thác sử dụng quỹ đất, bổ sung công trình công cộng, nhu cầu ở mới, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho khu vực.

6. Kinh phí thực hiện: 2.642.905.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm linh năm nghìn đồng)

7. Nguồn vốn: Ngân sách huyện.

8. Thời gian lập đồ án: 09 tháng.

9. Thời gian phê duyệt đồ án: Quý II/2022.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua nhiệm vụ đề án
quy hoạch chung xây dựng các khu chức năng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các nhiệm vụ đề án Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nhiệm vụ đề án quy hoạch chung xây dựng các khu chức năng, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch xã Du Già, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang (*chi tiết theo Phụ lục I*).

2. Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch sông Nho Quế, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang (*chi tiết theo Phụ lục II*).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2021./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

Phụ lục I
NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG
KHU DU LỊCH XÃ DU GIÀ, HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Tên Nhiệm vụ đồ án: Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch xã Du Già huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

2. Địa điểm: Xã Du Già, huyện Yên Minh.

3. Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 6.923,67 ha.

4. Lý do và sự cần thiết lập Nhiệm vụ đồ án

- Xác định các nội dung, yêu cầu để tổ chức lập đồ án quy hoạch chung xây dựng. Cụ thể hóa các đồ án quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại: Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/4/2017 về việc Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030; Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn 2030; Quyết định số 2057/QĐ-TTg ngày 21/12/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; làm cơ sở cho việc quản lý đầu tư phát triển, khai thác tiềm năng, thế mạnh của Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn.

- Thu hút các nhà đầu tư đến với Hà Giang để nghiên cứu phát triển các dự án trên khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn.

- Cụ thể hóa các chiến lược về bảo tồn, khai thác du lịch và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh và du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường vùng Cao nguyên đá.

5. Mục tiêu

- Phát triển xã Du Già thành theo hướng: Công viên hạt nhân - Công viên Du Già; Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; Khu đô thị du lịch; Trung tâm du lịch, chăm sóc sức khỏe; Khu trang trại nghỉ dưỡng kết hợp homestay đặc sắc của tỉnh Hà Giang nói riêng và cả nước nói chung.

- Bảo tồn và khai thác có hiệu quả các giá trị đặc sắc về cảnh quan thiên nhiên,

môi trường sinh thái, bản sắc văn hóa dân tộc theo hướng bền vững.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương gắn với mục tiêu về bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng. Hình thành các hành lang pháp lý để triển khai các dự án giai đoạn tiếp theo.

6. Tính chất và chức năng khu vực

- Là khu du lịch sinh thái - văn hóa được đầu tư xây dựng đồng bộ với các khu chức năng vui chơi tổng hợp: Văn hóa, thể thao; dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp...;

- Là khu vực bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên và các giá trị nhân văn của cộng đồng các dân tộc tỉnh Hà Giang.

- Là khu bảo tồn thiên nhiên, nghiên cứu khoa học gắn với các hoạt động kinh tế sinh thái khác.

7. Các yêu cầu nội dung quy hoạch

- Phân tích, đánh giá vai trò vị thế khu vực: Phân tích ảnh hưởng, tác động qua lại khu vực quy hoạch khu du lịch với các khu vực phụ cận đặc biệt là các khu vực thuộc Cao nguyên đá Đồi Văn nhằm lựa chọn các chiến lược phát triển bền vững.

- Phân tích đánh giá tổng hợp về điều kiện tự nhiên và hiện trạng khu vực.

- Xác định mục tiêu, động lực phát triển; dự báo quy mô dân số, lao động.

- Phân tích ưu, nhược điểm và xác định các vấn đề cần giải quyết: Tập trung xác định các vấn đề trọng tâm cần giải quyết với nguyên tắc đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

- Định hướng quy hoạch về không gian và sử dụng đất: Xác định các phân khu chức năng phù hợp với tính chất, vị trí địa lý, điều kiện sử dụng, yếu tố cảnh quan, hệ sinh thái; đề xuất các ý tưởng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, quy hoạch sử dụng đất cho toàn khu và từng khu vực chức năng; xác định các vùng và giải pháp bảo tồn, vùng kiến trúc, cảnh quan; xác định các chỉ tiêu sử dụng đất chính; định hướng phát triển các trục không gian, hành lang phát triển của khu quy hoạch.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm hệ thống giao thông, chuẩn bị kỹ thuật, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, cấp điện, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược.

- Xác định danh mục các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch.

8. Kinh phí thực hiện: 9.242.900.000 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ, hai trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn*).

9. Nguồn vốn: Vốn tài trợ (ngoài ngân sách nhà nước).

10. Thời gian lập và phê duyệt đồ án: Dự kiến quý III-IV/2021.

Phụ lục II
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG KHU DU LỊCH
SÔNG NHO QUẾ, HUYỆN MÈO VẠC, TỈNH HÀ GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Tên nhiệm vụ đồ án: Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch sông Nho Quế, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

2. Địa điểm: Xã Pải Lũng, xã Pả Vi, xã Xín Cái, xã Giàng Chu Phìn, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc và Thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn.

3. Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 1.500 ha.

4. Lý do và sự cần thiết lập Nhiệm vụ đồ án

- Xác định các nội dung, yêu cầu để tổ chức lập đồ án quy hoạch chung xây dựng. Cụ thể hóa các đồ án quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại: Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07/4/2017 về việc Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030; Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn 2030; Quyết định số 2057/QĐ-TTg ngày 21/12/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; làm cơ sở cho việc quản lý đầu tư phát triển, khai thác tiềm năng, thế mạnh của Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn.

- Thu hút các nhà đầu tư đến với Hà Giang để nghiên cứu phát triển các dự án trên khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn.

- Cụ thể hóa các chiến lược về bảo tồn, khai thác du lịch và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh và du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường vùng Cao nguyên đá.

5. Mục tiêu

- Phát triển Khu du lịch sông Nho Quế thành một trong những điểm đến hấp dẫn trong tổng thể vùng Cao nguyên đá Đồng Văn và là một trung tâm du lịch khám phá, mạo hiểm, nghỉ dưỡng đặc sắc của Hà Giang nói riêng và cả nước nói chung.

- Bảo tồn và khai thác có hiệu quả các giá trị đặc sắc về cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái, bản sắc văn hóa dân tộc theo hướng bền vững.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương gắn với mục tiêu về bảo

vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng. Hình thành các hành lang pháp lý để triển khai các dự án giai đoạn tiếp theo.

6. Tính chất và chức năng khu vực

- Là một trung tâm kinh tế du lịch gắn liền với bảo tồn di tích lịch sử và thắng cảnh thiên nhiên đặc trưng và nổi trội nhất của vùng Cao nguyên đá.

- Là khu du lịch được đầu tư xây dựng đồng bộ với các khu chức năng tổng hợp: Văn hóa, TDTT, thể thao mạo hiểm; dịch vụ lưu trú, nghỉ dưỡng...

- Là khu bảo tồn thiên nhiên, nghiên cứu khoa học và các hoạt động kinh tế sinh thái khác.

7. Các yêu cầu nội dung quy hoạch

- Phân tích, đánh giá vai trò vị thế khu vực: Phân tích ảnh hưởng, tác động qua lại khu vực quy hoạch khu du lịch với các khu vực phụ cận đặc biệt là các khu vực thuộc Cao nguyên đá Đồng Văn nhằm lựa chọn các chiến lược phát triển bền vững.

- Phân tích đánh giá tổng hợp về điều kiện tự nhiên và hiện trạng khu vực.

- Xác định mục tiêu, động lực phát triển; dự báo quy mô dân số, lao động.

- Phân tích ưu, nhược điểm và xác định các vấn đề cần giải quyết: Tập trung xác định các vấn đề trọng tâm cần giải quyết với nguyên tắc đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

- Định hướng quy hoạch về không gian và sử dụng đất: Xác định các phân khu chức năng phù hợp với tính chất, vị trí địa lý, điều kiện sử dụng, yếu tố cảnh quan, hệ sinh thái; đề xuất các ý tưởng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, quy hoạch sử dụng đất cho toàn khu và từng khu vực chức năng; xác định các vùng và giải pháp bảo tồn, vùng kiến trúc, cảnh quan; xác định các chỉ tiêu sử dụng đất chính; định hướng phát triển các trục không gian, hành lang phát triển của khu quy hoạch.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm hệ thống giao thông, chuẩn bị kỹ thuật, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, cấp điện, quản lý chất thải và nghĩa trang.

- Đánh giá môi trường chiến lược.

- Xác định danh mục các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch.

8. Kinh phí thực hiện: 4.633.617.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm mười bảy nghìn đồng chẵn*).

9. Nguồn vốn: Vốn tài trợ (ngoài ngân sách nhà nước).

10. Thời gian lập và phê duyệt đồ án: Dự kiến quý III-IV/2021.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Quy chế quản lý kiến trúc
thị trấn Đông Văn, huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Đông Văn, huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Đông Văn, huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang, với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu

a) Nhằm kiểm soát việc xây dựng, khai thác, sử dụng công trình mới, công trình cải tạo đô thị theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đông Văn - Trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử thuộc Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đông Văn tỉnh Hà Giang đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 21/8/2020.

Quy định cụ thể trách nhiệm quản lý kiến trúc của các cấp chính quyền huyện Đông Văn và thị trấn Đông Văn.

b) Quy chế là cơ sở để:

- Xác lập nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế đô thị đối với khu vực chưa có quy hoạch, thiết kế đô thị được duyệt.

- Cung cấp thông tin quy hoạch, giấy phép xây dựng, cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan trên địa bàn thị trấn.

- Thực hiện kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm hành chính về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn thị trấn Đồng Văn.

- Kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang phát triển toàn đô thị, bảo vệ bản sắc văn hóa trên địa bàn thị trấn Đồng Văn.

2. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

a) Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị của thị trấn Đồng Văn, cũng như hộ gia đình, cá nhân cư trú, làm việc, sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Đồng Văn.

b) Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn trong ranh giới hành chính thị trấn Đồng Văn theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn.

3. Nội dung chính của quy chế gồm 4 Chương

a) Chương I: Quy định chung, gồm:

- Điều 1. Mục tiêu;
- Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng;
- Điều 3. Giải thích từ ngữ;
- Điều 4. Nguyên tắc quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị;
- Điều 5. Các công trình phải tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc.

b) Chương II: Quản lý kiến trúc, không gian, cảnh quan thị trấn Đồng Văn, gồm:

- Điều 6. Định hướng Kiến trúc, không gian cảnh quan;
- Điều 7. Yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc;
- Điều 8. Quy định đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù;
- Điều 9. Quy định kiến trúc các loại hình công trình;

- Điều 10. Quy định đối với kiến trúc công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Điều 11. Các yêu cầu khác.

c) Chương III: Quản lý, bảo tồn công trình kiến trúc có giá trị, gồm:

- Điều 12. Các quy định quản lý các công trình đã được xếp hạng theo pháp luật về di sản văn hóa;

- Điều 13. Các quy định quản lý công trình thuộc danh mục kiến trúc có giá trị đã được phê duyệt.

d) Chương IV: Tổ chức thực hiện, gồm:

- Điều 14. Tổ chức thực hiện quy chế;

- Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc đô thị trong thị trấn Đồng Văn;

- Điều 16. Kiểm tra, thanh tra, báo cáo và xử lý vi phạm;

- Điều 17. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế.

4. Các yêu cầu về nội dung Quy chế

a) Về quản lý kiến trúc:

- Quy chế này nhằm kiểm soát việc xây dựng, khai thác, sử dụng công trình mới, công trình cải tạo đô thị theo Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đồng Văn - Trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử thuộc công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng tỉnh Hà Giang đến năm 2030;

- Quy chế xây dựng bảo đảm tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đến không gian cụ thể của công trình kiến trúc; phạm vi Quy chế: Thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang;

- Bảo đảm an toàn cho con người, công trình kiến trúc và khu vực tập trung dân cư trước tác động bất lợi do thiên nhiên hoặc con người gây ra;

- Không tác động tiêu cực đến cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị và môi trường sinh thái;

- Bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Kiến trúc phải có sự khác biệt và đặc thù riêng.

b) Yêu cầu đối với kiến trúc đô thị

- Hòa hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên;

- Sử dụng màu sắc, vật liệu, trang trí mặt ngoài của công trình kiến trúc phải bảo đảm mỹ quan, không tác động xấu tới thị giác, sức khỏe con người, môi trường và an toàn giao thông;

- Kiến trúc nhà ở phải kết hợp hài hòa giữa cải tạo với xây dựng mới, phù hợp với điều kiện tự nhiên và khí hậu, gắn công trình nhà ở riêng lẻ với tổng thể kiến trúc của khu vực;

- Công trình công cộng, công trình phục vụ tiện ích đô thị trên tuyến phố phải bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ, công năng sử dụng, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện giao thông;

- Hệ thống biển báo, quảng cáo, chiếu sáng, trang trí đô thị phải tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch quảng cáo ngoài trời, phù hợp với kiến trúc chung của khu đô thị;

- Công trình tượng đài, điêu khắc, phù điêu, đài phun nước và các công trình trang trí khác phải được thiết kế phù hợp với cảnh quan, đáp ứng yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ nơi công cộng;

- Công trình giao thông phải được thiết kế đồng bộ, bảo đảm yêu cầu sử dụng, thẩm mỹ và tính chất của đô thị.

c) Yêu cầu về thiết kế kiến trúc

Thiết kế kiến trúc phù hợp với Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2030; đảm bảo các yêu cầu về kinh tế - xã hội, công năng, kỹ thuật, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bản sắc văn hóa dân tộc và các yêu cầu khác đối với công trình; bảo đảm người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dễ dàng tiếp cận sử dụng; bảo đảm bình đẳng giới.

d) Yêu cầu về quản lý công trình kiến trúc có giá trị:

- Quy định quản lý chặt chẽ đối với các công trình kiến trúc có giá trị đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, gồm:

Làng văn hóa Quyết Tiến, khu di tích phố cổ Đồng Văn, khu di tích Đồn Cao, di tích đền Quan Công, Quan Hoàng;

- Các khu vực quản lý đặc thù trên địa bàn bao gồm: Các khu vực điểm di sản địa tầng, điểm di sản cổ sinh, điểm di sản kiến tạo, điểm di sản địa mạo, điểm di sản cảnh quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế và tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2021./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án:
Cụm công trình thủy lợi các huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3247/QĐ-BNN-KH ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án: Cụm công trình thủy lợi các huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-BNN-TCTL ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Lô - Gâm;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc điều chỉnh Quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2025 tỉnh Hà Giang;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh về việc đề nghị phê duyệt chủ trương chuyển đổi rừng: Cụm công trình thủy lợi các huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án: Cụm công trình thủy lợi các huyện Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Hà Giang, với nội dung sau:

1. Diện tích rừng chuyển đổi là: 6,0 ha rừng sản xuất.

2. Vị trí khu rừng theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng được phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Hà Giang thuộc các lô, khoảnh, tiểu khu như sau:

+ Lô 82, 83, 181, 186, 202 khoảnh 11; lô 183, 187, 192 khoảnh 5 tiểu khu 279 xã Tân Trịnh huyện Quang Bình;

+ Lô 108, 175, 181, 133, 137, khoảnh 2; lô 13 khoảnh 4 tiểu khu 341 xã Tiên Yên huyện Quang Bình;

+ Lô 1, 2, 6, 8 khoảnh 5; lô 83, 89, 92, 110, 113 khoảnh 2; lô 151, 161, 178, 196, 199 khoảnh 1 tiểu khu 302B và lô 4, 6, 7, 8, 23 khoảnh 2 tiểu khu 302C xã Bằng Hành huyện Bắc Quang;

+ Lô 23, 29, 30, 39, 40, 43, 46, 48 khoảnh 10 tiểu khu 317B và lô 1, 2, 14, 19, 31, 36 khoảnh 6 tiểu khu 319 xã Liên Hiệp huyện Bắc Quang;

+ Lô 79 khoảnh 9, lô 1, 2, 3 khoảnh 12a tiểu khu 350A xã, Đồng Yên huyện Bắc Quang.

3. Loại rừng: Rừng sản xuất.

4. Nguồn gốc hình thành rừng: Rừng trồng.

5. Điều kiện lập địa: Núi đất.

6. Loài cây trồng chính: Keo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2021./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất;
chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2)
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) của tỉnh Hà Giang;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2021, trên địa bàn tỉnh Hà Giang cụ thể như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì

lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng gồm 44 công trình, dự án trong đó:

- Tổng diện tích thu hồi: 92,624 ha;
- Tổng kinh phí bồi thường: 88,742 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Danh mục các công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng: Gồm 21 công trình, trong đó: 11,089 ha đất trồng lúa; 9,015 ha đất rừng phòng hộ; tổng kinh phí bồi thường là 60.553 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2021./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

PHỤ LỤC I

**Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội
vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
	Toàn tỉnh		92,624	11,089	-	9,015	72,519	88.742	31.054	32.234	25.454	
I	TP. HÀ GIANG		7,255	0,536	-	-	6,719	23.953	7.653	16.300		
1	Dự án kè và đường hai bên bờ sông Miện đoạn từ cầu Suối Tiên đến cầu 3/2 thuộc dự án: Chương trình phát triển đô thị loại II Xanh	Phường Ngọc Hà, Quang Trung	2,617				2,617	5.600		5.600		
2	Dự án Kè bờ Tây sông Lô thuộc dự án chương trình phát triển đô thị loại II Xanh	Thôn Cầu Mè, xã Phương Thiện	0,959				0,959	6.500		6.500		
3	Dự án mở rộng nghĩa trang xã Ngọc Đường	Thôn Bản Tày, xã Ngọc Đường	0,375	0,086			0,289	4.200		4.200		
4	Dự án: Đập dâng nước tạo cảnh quan trung tâm thành phố Hà Giang	P. Nguyễn Trãi, Minh Khai	1,784				1,784	131	131			

5	Trụ sở Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Hà Giang	Tổ 8, phường Ngọc Hà	0,277				0,277	2.022	2.022			
6	Văn phòng làm việc + Sân tennis tại khuôn viên nhà thi đấu thể thao của Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh Hà Giang	Tổ 4, phường Quang Trung	0,043				0,043					
7	Xây dựng trung tâm sản xuất chương trình phát thanh truyền hình tỉnh Hà Giang	Xã Phương Thiện	1,20	0,45			0,75	5.500	5.500			
II	H. ĐỒNG VĂN		3,66	0,500	-	-	3,160	4.450	-	4.450	-	
1	Nâng cấp, mở rộng chợ trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn (Giai đoạn 1). Hạng mục: Công + Sân bê tông, cải tạo Nhà lớp học thành Nhà chợ	Xã Lũng Cú	2,26	0,50			1,76	1.500		1.500		
2	Nâng cấp, mở rộng chợ trung tâm xã Sủng Trái, huyện Đồng Văn. Hạng mục: San ủi mặt bằng + Sân bê tông	Xã Sủng Trái	0,40				0,40	450		450		
3	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ma Lé, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Hạng mục: Nhà làm việc, nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ	Xã Má Lé	1,00				1,00	2.500		2.500		
III	H. MÈO VẠC		5,249	-	-	0,015	5,234	3.540	2.500	460	580	
1	Trạm Y tế xã Lũng Pù	Xã Lũng Pù	0,50				0,50	60		60		

2	Trạm Y tế xã Khâu Vai	Xã Khâu Vai	0,50				0,50	40		40	
3	Trạm Y tế xã Cán Chu Phìn	Xã Cán Chu Phìn	0,50				0,50	60		60	
4	Cấp điện thôn Khai Hoang I, II xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc	Xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc	0,01				0,01	50		50	
		Thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn	0,03				0,03				
5	Cấp nước sinh hoạt thôn Sáng Pả A thị trấn Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	0,20				0,20	500		500	
6	Cải tạo, nâng cấp đoạn Km13 - Km 17 và Km 36 + 183 - Km 46 + 00, ĐT. 176 (Yên Minh - Mậu Duệ - Mèo Vạc), tỉnh Hà Giang.	Xã Sùng Trà, Tả Lũng, TT Mèo Vạc	3,35				3,35	2.500	2.500		
7	Công viên cây xanh thể dục, thể thao	TT. Mèo Vạc	0,145				0,145	300		300	
8	Kết nối lưới điện trung thế các huyện Bảo Lâm - Bắc Mê; Bảo Lâm - Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Xã Niêm Sơn, Tát Ngà	0,015			0,015		30		30	
IV	H. YÊN MINH		48,732	6,19	-	-	42,542	17.480	-	700	16.780
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ thủy điện Bát Đại Sơn đi các thôn Na Pô, Sáo Hồ và Móc 345, xã Na Khê, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; Hạng mục: Đường - Trần liên hợp qua suối	Xã Na Khê	2,09				2,09	700		700	

2	Sửa chữa đột xuất xử lý điểm đen TNGT tại đoạn Km100+700÷Km101+200, QL.4C địa phận tỉnh Hà Giang	Xã Hữu Vinh	2,00				2,00	450	-	-	450	
3	Xử lý các điểm tiềm ẩn TNGT tại Km75+600, Km77+400, Km82+400-Km82+800, Km88+500, Km91+500-Km92+500 QL 4C tỉnh Hà Giang	Huyện Yên Minh	15,00				15,00	330			330	
4	Thủy điện Sông Nhiệm 3 - Hạng mục lòng hồ	Các xã Mậu Long, Ngọc Long	26,52	5,50			21,02	3.500			3.500	
5	Thủy điện Nậm Lang	Các xã Lũng Hồ, Du Già, Du Tiên, Ngam La, Mậu Duệ, Đông Minh	3,122	0,69			2,432	12.500			12.500	
V	H. QUẢN BẠ		13,337	0,50	-	9,00	3,837	21.523	20.293	780	450	
1	Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường từ Km3+00 (đường Nghĩa Thuận-Tùng Pàng) đi thôn Phìn Ủng, Khủng Cáng, xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	Xã Nghĩa Thuận	3,837				3,837	780		780		
2	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai bảo vệ trường tiểu học, khu dân cư đường biên giới từ UBND xã Tả Ván đi Pao Mã Phìn, Mã Hoàng Phìn, mốc 272/2, mốc 276, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	Xã Tả Ván	9,00			9,00		20.293	20.293			

3	Xử lý điểm nguy cơ mất ATGT (đèo dốc Cổng trời Quán Bạ) KM44+500 - Km46+600, QL4C, tỉnh Hà Giang	Các xã huyện Quán Bạ	0,50	0,50				450			450	
VI	H. VỊ XUYÊN		6,70	0,60	-	-	6,10	1.108	608	-	500	
1	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Xã Thanh Thủy	4,20	0,60			3,60	608	608			
2	Sửa chữa đột xuất xử lý điểm đen TNGT tại đoạn Km20+300 đến Km21+300	Xã Minh Tân	2,50				2,50	500			500	
VII	H. XÍN MÀN		0,413	0,158	-	-	0,255	450	-		450	
1	Tuyến đường dây điện đầu nối cụm nhà máy thủy điện Quảng Nguyên - Nậm Là - đường dây 110kv Nà Chì vào lưới điện quốc gia	Các xã Quảng Nguyên, Khuôn Lũng, Nà Chì	0,413	0,158			0,255	450			450	
VIII	H. QUANG BÌNH		1,66	1,59	-	-	0,07	870	-	70	800	
1	Cấp điện chiếu sáng thôn Lũng Lý	Xã Xuân Minh	0,07	0,02			0,05	50		50		
2	Cấp điện chiếu sáng xóm Nậm Mòn, thôn Tiên Yên	Xã Bằng Lang	0,04	0,02			0,02	20		20		
3	Thủy điện Xuân Minh	Xã Tiên Nguyên	1,55	1,55				800			800	
IX	H. BẮC QUANG		5,619	1,015	-	-	4,603	15.368	-	9.474	5.894	
1	Cấp điện cho thôn Chang, thôn Pha, thôn Khuổi Thuối, thôn Lâm xã Đồng Tâm	Xã Đồng Tâm	0,56	0,06			0,50	473		473		

2	Nâng cấp, cải tạo khu thể thao trung tâm xã	Xã Đồng Tâm	0,323	0,323				500		500		
3	Cấp điện cho thôn Nà Ôm, thôn Tân Thành 2, xã Liên Hiệp	Xã Liên Hiệp	0,05	0,03			0,02	560		560		
4	Cấp điện cho thôn Hồng Quân, thôn Việt Thành xã Việt Hồng	Xã Việt Hồng	0,03				0,03	516		516		
5	Nâng cấp cải tạo khu thể thao xã	Xã Việt Hồng	0,04				0,04	1.250		1.250		
6	Xây dựng khu tập kết bãi trung chuyển rác thải	Xã Việt Hồng	0,41				0,41	1.200		1.200		
7	Cấp điện cho thôn Thíp, thôn Lâm, thôn Ca, thôn Me Hạ, xã Vô Điểm	Thôn Thíp, xã Vô Điểm	0,10	0,01			0,09	1.290		1.290		
8	Cải tạo, mở rộng nâng cấp Trường mầm non trung tâm xã	Xã Vô Điểm	0,015				0,015	250		250		
9	Cải tạo, nâng cấp Chợ trung tâm xã	Xã Vô Điểm	0,339	0,334			0,005	935		935		
10	Xây dựng khu tập kết, trung chuyển rác thải	Xã Vô Điểm	0,38	0,18			0,20	500		500		
11	Nâng cấp, cải tạo sân vận động thành Công viên trung tâm thị trấn Việt Quang	Thị trấn Việt Quang	1,199				1,199	2.000		2.000		
12	Thủy điện Sông Lô 4 - khu vực lòng hồ (bổ sung)	Xã Tân Thành	2,173	0,078			2,095	5.894			5.894	

PHỤ LỤC II

Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất theo Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai để thực hiện dự án đầu tư (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
	Toàn tỉnh		55,690	11,089		9,015	35,585	60.553	26.401	10.028	24.124	
I	TP. HÀ GIANG		1,575	0,536	-	-	1,039	9.700	5.500	4.200	-	
1	Dự án mở rộng nghĩa trang xã Ngọc Đường	Thôn Bản Tuyền, xã Ngọc Đường	0,375	0,086			0,289	4.200		4.200		
2	Xây dựng trung tâm sản xuất chương trình phát thanh truyền hình tỉnh Hà Giang	Xã Phương Thiện	1,20	0,45			0,75	5.500	5.500			
II	H. ĐỒNG VĂN		2,26	0,50	-	-	1,76	1.500	-	1.500	-	
1	Nâng cấp, mở rộng chợ trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn (Giai đoạn 1). Hạng mục: Công + Sân bê tông, cải tạo Nhà lớp học thành Nhà chợ	Xã Lũng Cú	2,26	0,50			1,76	1.500		1.500		
III	H. MÈO VẠC		0,015	-	-	0,015	-	30	-	-	30	

1	Kết nối lưới điện trung thế các huyện Bảo Lâm - Bắc Mê; Bảo Lâm - Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Xã Niêm Sơn, Tát Ngà	0,015			0,015		30			30	
IV	H. YÊN MINH		29,642	6,19	-	-	23,452	16.000	-	-	16.000	
1	Thủy điện Sông Nhiệm 3 - Hạng mục lòng hồ	Các xã Mậu Long, Ngọc Long	26,52	5,50			21,02	3.500			3.500	
2	Thủy điện Nậm Lang	Các xã Lũng Hồ, Du Già, Du Tiến, Ngam La, Mậu Duệ, Đông Minh	3,122	0,69			2,432	12.500			12.500	
V	H. QUẢN BẠ		9,50	0,50	-	9,00	-	20.743	20.293	-	450	
1	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai bảo vệ trường tiểu học, khu dân cư đường biên giới từ UBND xã Tả Ván đi Pao Mã Phìn, Mã Hoàng Phìn, mốc 272/2, mốc 276, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	Xã Tả Ván	9,00			9,00		20.293	20.293			
2	Xử lý điểm nguy cơ mất ATGT (đèo dốc Cổng trời Quản Bạ) KM44+500 - Km46+600, QL4C, tỉnh Hà Giang	Huyện Quản Bạ	0,50	0,50				450			450	
VI	H. VỊ XUYỀN		6,70	0,60	-	-	6,10	1.108	608	-	500	

1	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Xã Thanh Thủy	4,20	0,60			3,60	608	608		
2	Sửa chữa đột xuất xử lý điểm đen TNGT tại đoạn Km20+300 đến Km21+300	Xã Minh Tân	2,50				2,50	500			500
VII	H. XÍN MÀN		0,413	0,158	-	-	0,255	450	-	-	450
1	Tuyến đường dây điện đầu nối cụm nhà máy thủy điện Quảng Nguyên - Nậm Là - đường dây 110kv Nà Chì vào lưới điện quốc gia	Xã Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Nà Chì	0,413	0,158			0,255	450			450
VIII	H. QUANG BÌNH		1,66	1,59	-	-	0,07	870	-	70	800
1	Cấp điện chiếu sáng thôn Lùng Lý	Xã Xuân Minh	0,07	0,02			0,05	50		50	
2	Cấp điện chiếu sáng xóm Nậm Mòn, thôn Tiên Yên	Xã Bằng Lang	0,04	0,02			0,02	20		20	
3	Thủy điện Xuân Minh	Xã Tiên Nguyên	1,55	1,55				800			800
IX	H. BẮC QUANG		3,925	1,015		-	2,91	10.152	-	4.258	5.894
1	Cấp điện cho thôn Chang, thôn Pha, thôn Khuổi Thuối, thôn Lâm xã Đồng Tâm	Xã Đồng Tâm	0,56	0,06			0,50	473		473	
2	Nâng cấp, cải tạo khu thể thao trung tâm xã	Xã Đồng Tâm	0,323	0,323				500		500	

3	Cấp điện cho thôn Nà Ôm, thôn Tân Thành 2, xã Liên Hiệp	Xã Liên Hiệp	0,05	0,03			0,02	560		560		
4	Cấp điện cho thôn Thíp, thôn Lâm, thôn Ca, thôn Me Hạ, xã Vô Điểm	Thôn Thíp, xã Vô Điểm	0,10	0,01			0,09	1.290		1.290		
5	Cải tạo, nâng cấp Chợ trung tâm xã	Xã Vô Điểm	0,339	0,334			0,005	935		935		
6	Xây dựng khu tập kết, trung chuyển rác thải	Xã Vô Điểm	0,38	0,18			0,20	500		500		
7	Thủy điện Sông Lô 4 - khu vực lòng hồ (bổ sung)	Xã Tân Thành	2,173	0,078			2,095	5.894			5.894	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Chương trình giám sát năm 2022 và sửa đổi khoản 2 Điều 1
Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 ban hành
Chương trình giám sát năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 13/TTr-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh về ban hành Chương trình giám sát năm 2022 và sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 ban hành Chương trình giám sát năm 2021 của HĐND tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-BDT ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Chương trình giám sát năm 2022 của HĐND tỉnh Hà Giang, như sau:

1. Giám sát tại Kỳ họp:

a) Tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2022:

- Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 2022 của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

- Các Báo cáo của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí (*năm 2021*); công tác phòng, chống tham nhũng; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri;

- Thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn.

b) Tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022:

- Báo cáo công tác năm 2022 của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Các Báo cáo của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; công tác phòng, chống tham nhũng; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri.

- Thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn.

2. Giám sát chuyên đề:

- Giám sát kết quả Quy hoạch đất lâm nghiệp và 03 loại rừng giai đoạn 2016 - 2025 tỉnh Hà Giang (*theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh Hà Giang*).

- Giám sát kết quả thực hiện thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

3. Giám sát thường xuyên:

a) Việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh;

b) Giám sát hoạt động của UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;

c) Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh và HĐND các huyện, thành phố;

d) Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri và việc thực hiện các kiến nghị của các Đoàn giám sát của HĐND tỉnh.

Điều 2. Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh quy định về nội dung giám sát chuyên đề, như sau:

“2. Giám sát chuyên đề: Kết quả thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021

trên địa bàn tỉnh Hà Giang”.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Thường trực HĐND tỉnh: Căn cứ Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2022 xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát với các Ban của HĐND bảo đảm hoạt động giám sát không bị trùng lặp; xem xét kết quả hoạt động giám sát của các Đoàn giám sát theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả giám sát giữa hai Kỳ họp trình HĐND vào Kỳ họp giữa năm 2023; theo dõi kết quả thực hiện kiến nghị sau giám sát của các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và báo cáo HĐND tại Kỳ họp gần nhất. Tổ chức phiên họp giải trình, chất vấn giữa hai Kỳ họp.

2. Các Ban của HĐND tỉnh căn cứ vào Chương trình giám sát của HĐND năm 2022 và Kế hoạch tổ chức thực hiện của Thường trực HĐND tỉnh xây dựng Chương trình giám sát năm 2022 của Ban; báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát của Ban với Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

3. Các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ điều kiện và tình hình thực tế, chủ động lựa chọn nội dung hoặc các vấn đề do HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh phân công để xây dựng chương trình, phối hợp và tiến hành hoạt động giám sát, báo cáo kết quả theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh trong hoạt động giám sát; báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác những thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của cơ quan tiến hành giám sát; các cơ quan chịu sự giám sát thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau giám sát và báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khoá XVIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2021./.

CHỦ TỊCH
Thào Hồng Sơn

II. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1117/CT-UBND

Hà Giang, ngày 16 tháng 6 năm 2021

CHỈ THỊ**Về việc tăng cường triển khai, cung cấp và sử dụng
dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên môi trường điện tử, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; ngay từ đầu năm 2021, công tác triển khai, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo, thực hiện hiệu quả, mang lại nhiều tiện ích cho người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao các chỉ số thành phần liên quan đến công tác cải cách TTHC của tỉnh. Hệ thống Cổng dịch vụ công tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>) với 100% TTHC của tỉnh được cung cấp đầy đủ thông tin, công khai tình hình, tiến độ giải quyết; 89,69% TTHC được cung cấp ở dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (1.671/1.863 TTHC); 2.955 hồ sơ được nộp và tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến.

Tuy nhiên, so với yêu cầu của Chính phủ, của tỉnh tiêu chí về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hiện còn nhiều hạn chế, tỷ lệ nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến là rất thấp, đạt 5,13% (cấp tỉnh 46,58%, cấp huyện 1,10%, cấp xã 0%).

Những tồn tại, hạn chế nêu trên là do người đứng đầu một số địa phương, đơn vị còn chưa thực sự quan tâm triển khai, thiếu kiên quyết trong công tác chỉ đạo để nâng cao các chỉ số về cung cấp dịch vụ công trực tuyến; chưa chủ động trong tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; chưa đánh giá đúng tầm quan trọng và lợi ích của việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Ngoài ra người dân, doanh nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ CNTT, có tâm lý lo ngại trong việc giao dịch trên môi trường mạng về sự mất an toàn thông tin khi sử dụng dịch vụ công, hoặc sự chưa rõ ràng về việc chứng thực cho các hồ sơ pháp lý trên mạng do thiếu các dịch vụ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chỉ số thành phần liên quan đến công tác cải cách TTHC của tỉnh nói riêng và các chỉ số: Cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, hiệu quả quản trị và hành chính công, sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh năm 2021 và những năm tiếp theo. Đồng thời để thực hiện tốt công tác phòng, chống, ngăn chặn dịch bệnh Covid-19 lây lan, bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố:

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 219/CT-UBND ngày 17/01/2020 của Chủ UBND tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC; có trách nhiệm chỉ đạo, hoàn thành chỉ tiêu hàng năm trong việc triển khai thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết TTHC, nâng cao cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh.

- Tổ chức quán triệt, xác định việc khai thác, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 để phục vụ người dân, doanh nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong cải cách hành chính, trong công tác chỉ đạo điều hành của địa phương, đơn vị.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về những lợi ích thiết thực và tích cực sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết TTHC, góp phần chung tay cải cách hành chính của tỉnh.

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Thủ trưởng các phòng, ban, chuyên môn thuộc huyện, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chủ động triển khai các giải pháp đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã giao tại Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 20/5/2021; bố trí CBCCVC hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khi đến giao dịch trực tiếp chuyển sang nộp hồ sơ trực tuyến; đảm bảo đủ trang thiết bị, nâng cao năng lực và khả năng đáp ứng của Bộ phận Một cửa để phục vụ, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, hoàn thành trước 30/6/2021.

- UBND các huyện, thành phố phối hợp với Bưu điện tỉnh triển khai thực hiện

cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ Bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hoá hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên cơ sở đánh giá khả năng đáp ứng về cơ sở vật chất, nhân lực của cơ quan hành chính nhà nước và khả năng đảm nhận các nhiệm vụ này của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

2. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công):

- Đôn đốc, hỗ trợ các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố trong việc triển khai thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết TTHC, thường xuyên rà soát, cập nhật, điều chỉnh kịp thời, đầy đủ, chính xác các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Thực hiện quản trị về mặt nội dung Cổng dịch vụ công của tỉnh; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các chức năng Cổng dịch vụ công của tỉnh để người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận và sử dụng với dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

3. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ UBND tỉnh giao về hoàn thiện các tiêu chí chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu từ CSDL, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ban, ngành Trung ương với Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa của tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ và đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, an toàn thông tin tại Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 20/5/2021, Công văn số 1374/UBND-PVHCC ngày 11/5/2021, Công văn số 1612/UBND-PVHCC ngày 26/5/2021; thực hiện báo cáo UBND tỉnh về tiến độ, kết quả triển khai các nhiệm vụ trước 30/6/2021.

- Hỗ trợ các đơn vị, địa phương tuyên truyền về công dân điện tử, triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Giang tăng cường tin, bài, phóng sự về cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; phối hợp với UBND các huyện, thành phố trong công tác tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp thực hiện chủ trương của tỉnh.

5. Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng) cập nhật, điều chỉnh cơ cấu chấm

điểm thi đua năm 2021 với chỉ tiêu về sử dụng dịch vụ công cấp độ 3, 4.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nghiêm túc thực hiện Chỉ thị này. Giao Văn phòng UBND tỉnh đôn đốc, theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện Chỉ thị này, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Sơn

III. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYÊN

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ XUYÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/NQ-HĐND

Vị Xuyên, ngày 24 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT**Về việc thành lập các Ban và quyết định số lượng
Ủy viên các Ban HĐND huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VỊ XUYÊN
KHOÁ XX - KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Hướng dẫn số 883/HD-UBTVQH14 ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hướng dẫn một số nội dung tổ chức Kỳ họp thứ nhất HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Sau khi xem xét Tờ trình số 44/TTr-HĐND, ngày 24 tháng 6 năm 2021 của HĐND huyện Vị Xuyên về việc thành lập các Ban và dự kiến số lượng Ủy viên các Ban HĐND huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Hội đồng nhân dân huyện đã thảo luận và nhất trí.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập 02 Ban HĐND huyện khóa XX nhiệm kỳ 2021 - 2026, như sau:

1. Ban Pháp chế.
2. Ban Kinh tế - Xã hội.

Điều 2. Quyết định số lượng Ủy viên các Ban HĐND huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

1. Ban Pháp chế: 03 Ủy viên.
2. Ban Kinh tế - Xã hội: 03 Ủy viên.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2021.

Điều 4. HĐND huyện giao cho Trưởng ban, Phó trưởng Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế HĐND huyện, trên cơ sở đăng ký của đại biểu HĐND và số lượng Ủy viên của mỗi ban, tổng hợp, lập danh sách cụ thể các Ủy viên của Ban mình để Trưởng ban trình Thường trực HĐND huyện ra Nghị quyết phê chuẩn danh sách Ủy viên của từng Ban.

Nghị quyết này được HĐND huyện Vị Xuyên khoá XX, Kỳ họp thứ Nhất thông qua./.

CHỦ TỊCH
Đỗ Anh Tuấn

VĂN PHÒNG UBND TỈNH HÀ GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1-Đội Cán-P.Nguyễn Trãi-TP.Hà Giang-T.Hà Giang;

Điện thoại liên hệ: 02193.866.204; Fax: 02193.866.204;

E-mail: vpubnd@hagiang.gov.vn;

Website: vpubnd.hagiang.gov.vn;

In tại: Công ty CP In Hà Giang.